

Phụ lục III
DANH SÁCH CÔNG DÂN ĐỦ ĐIỀU KIỆN GỌI SƠ TUYỂN NGHĨA VỤ QUÂN SỰ
VÀ THỰC HIỆN NGHĨA VỤ THAM GIA CÔNG AN NHÂN DÂN NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 1587/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần gia đình -Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
1	Nguyễn Mậu Tiên 05.03.2007		2. Tú Sơn 1. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	8,12	Nguyễn Mậu Trà 16.6.1987 Phạm Thị Thêm 16.6.1986	Đến tuổi
	Nguyễn Ngọc Phước 03.06.2007		2. Tú Sơn 1. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	9,12	Nguyễn Ngọc Bình Nguyễn Thị Thu Nga	Đến tuổi
	Hà Phúc Nguyên 22.06.2007		2. Tú Sơn 1. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	9/12	Hà Quang Nguyễn Thị Bích Ngọc	Đến tuổi
4	Phạm Thành Danh 26.10.2007		4. Tú Sơn 1. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	9,12	Phạm Ưt Phạm Thị Nghiệm	Đến tuổi
	Nguyễn Văn Thiện 26.11.2007		4. Tú Sơn 1. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	9,12	Nguyễn Thị Kiều	Đến tuổi
	Lê An 25.12.2006		5. Tú Sơn 1. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12,12	Lê Văn Long Nguyễn Thị Thư	2025 dự bị
7	Nguyễn Mậu Đạo 18.6.2004		7.Tú Sơn 1. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12,12	Nguyễn Mậu Nông 26.12.1978 Nguyễn Thị Trường 30.11.1979 935278810	2025 dự bị
	Nguyễn Phạm Trí Công 10.9.2004		5. Tú Sơn 1. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	9,12	Nguyễn Văn Linh 16.10.1982 Nguyễn Thị Thanh Hương 18.9.1983	2025 dự bị
	Đỗ Ngọc Quyết 9.2.2004		7. Tú Sơn 1. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CĐ	Đỗ Anh Quang 1.1.1976 Nguyễn Thị Lợi 10.4.1978	Sinh viên ra trường
10	Trần Gia Cát 12.12.2004		4. Tú Sơn 1. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CĐ	Trần Thiên Sơn 20.10.1976 Tạ Nữ Tiểu My	Sinh viên ra trường

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân ² Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần gia đình -Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
11	Đoàn Văn Tài 23.1.2004		7. Tú Sơn 1. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CD	19.1.1981 Đoàn Văn Sĩ 12.12.1968 Nguyễn Thị Bích 7.2.1980	Sinh viên ra trường
12	Nguyễn Tấn Kiệt 08.02.2003		6/Tú Sơn 1/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12-Dec	Nguyễn Văn Phép 10/7/1977 Phạm Thị Minh Lệ 5/15/1978	4 viêm xoang mt Gọi lại
13	Phan Lê Thanh Hùng 26.07.2003		7.Tú Sơn 1. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Phan Hưng 20.12.1980 Lê Thị Thu Huệ 8.4.1983	Sinh viên ra trường
14	Nguyễn Thanh Phong 13.09.2003		2.Tú Sơn 1. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Nguyễn Văn Hoàng 16.12.1974 Nguyễn Thị Diệp 3.6.1980	Sinh viên ra trường
15	Nguyễn Mậu Vĩnh 02.06.2003		3.Tú Sơn 1. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Nguyễn Mậu Vĩnh Phạm Thị Lê	Sinh viên ra trường
16	Nguyễn Mậu An 03.04.2003		7.Tú Sơn 1. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Nguyễn Mậu Đông 20.10.1975 Phan Thị Hoài Phương 28.9.1980	Sinh viên ra trường
17	Ngô Quang Lý 20.10.2002		5. Tú Sơn 1	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Ngô Quang Ninh Lê Thị Sự 13.8.1979	Sinh viên ra trường
18	Nguyễn Hữu Trãi 11.10.2002		5. Tú Sơn 1. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Nguyễn Văn Dân	Sinh viên ra trường
19	Nguyễn Văn Khải 02.3.2001		4/Tú Sơn 1 Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	9-Dec	Nguyễn Đình Cao Trần Thị Lài	5 tuyển tiên liệt Gọi lại
20	Huỳnh Tấn Hồng Nhanh 28.11.2007		8. Tú Sơn 2. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	9,12	Huỳnh Tấn Xét 20.6.1978 Nguyễn Thị Diên 1976	Đến tuổi
21	Lê Hoà Phong 03.03.2007		11b. Tú Sơn 2. Lân Phong	Nông Phụ thuộc	10,12	Lê Mỹ Nhân	Đến tuổi

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân ³ Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần gia đình -Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
22	Nguyễn Văn Tường Vi 30.09.2007		12. Tú Sơn 2. Lân Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc Kinh, không	8,12	Nguyễn Chờ Lê Thị Năm	Đến tuổi
23	Đặng Ngọc Phương Giàu 18.09.2007		8. Tú Sơn 2. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	11,12	Đặng Ngọc Phương Anh 1975 Nguyễn Thị Ngà 1974	Đến tuổi
24	Bùi Công Trình 03.01.2007		13b. Tú Sơn 2. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	9,12	Bùi Đạt Đinh Thị Hồng Yến	Đến tuổi
25	Nguyễn Phan Thành Luân 19.01.2007		13b Tú Sơn 2. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	10,12	Nguyễn Hải Quan Phan Thị Thanh Tình	2025 chưa khám
26	Nguyễn Ngọc Lực 12.02.2006		8. Tú Sơn 2. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12,12	Nguyễn Ngọc Na Nguyễn Thị Vân	2025 dự bị
27	Hà Quang Hợp 09.05.2006		10 Tú Sơn 2. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	9,12	Hà Tấn Hiệp Nguyễn Thị Nhẫn	2025 dự bị
28	Lê Quang Thảo 03.09.2006		13a Tú Sơn 2. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	9,12	Lê Quang Thạch Nguyễn Thị Thư	2025 dự bị
29	Lê Khánh 22.11.2006		13b Tú Sơn 2. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	9,12	Lê Lành Trần Thị Vy	2025 dự bị
30	Lê Văn Cảnh 23.06.2005		13b .Tú Sơn 2. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	9,12	Lê Thương 10.09.1983 Cao Thị Kim Linh 03.03.1984	2025 dự bị
31	Bùi Trương Văn Thọ 9.12.2006		10.Tú Sơn 2. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	9,12	Bùi Tiên Lộc Trương Thị hà	HỌC SINH 12 Ở SÀI GÒN
32	Trần Minh Hiếu 28.07.2006		10 Tú Sơn 2. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12,12	Trần Bông Nguyễn Thị Mùi	Xong 12
33	Nguyễn Trần Đức Trí 23.12.2005		12 .Tú Sơn 2. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CD	Nguyễn Đức Hữu 13.06.1976 Trần Thị Lệ Quyên 24.05.1978	Sinh viên ra trường

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	-Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình; bản thân ⁴	-Thành phần gia đình	-Trình độ văn hóa,	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ, năm sinh, nghề nghiệp	
34	Đoàn Văn Thức		9.Tú Sơn 2. Lân Phong	Nông	CĐ	Đoàn Bảy	Sinh viên ra trường
	21.12.2004			Phụ thuộc Kinh, không		1970	
35	Nguyễn Hữu Đan		13a.Tú Sơn 2. Lân Phong	Nông	CĐ	Bùi Thị Phụng 1973	Sinh viên ra trường
	26.8.2004			Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Cu 1972	
36	Nguyễn Ngọc Hồ Duy		10. Tú Sơn 2	Nông	CĐ	Lữ Thị Minh Phụng	Sinh viên ra trường
	08.3.2004			Phụ thuộc Kinh, không		20.6.1976	
37	Trần Ngọc Khuê		11a.Tú Sơn 2. Lân Phong	Nông	CĐ	Nguyễn Ngọc Tùng	Sinh viên ra trường
	26.2.2004			Phụ thuộc Kinh, không		Hồ Thị Thu Thúy	
38	Trần Văn Lâm		10.Tú Sơn 2. Lân Phong	Nông	ĐH	Trần Quỳnh	Sinh viên ra trường
	07.07.2003			Phụ thuộc Kinh, không		20.10.1972	
39	Huỳnh Đăng Khoa		8/Tú Sơn 2/ Lân Phong	Nông	12-Dec	Phạm Thị Thảo	5 t gãy xương cẳng chân
	7/28/2003			Phụ thuộc Kinh, không		1.6.1975	
40	Đặng Văn Thành Đạt		9.Tú Sơn 2. Lân Phong	Nông	ĐH	Trần Kim Sơn	Sinh viên ra trường
	14.11.2003			Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Anh Nguyệt	
41	Phạm Quang Hiền		8.Tú Sơn 2. Lân Phong	Nông	ĐH	Huỳnh Văn Long 12/9/1974	Sinh viên ra trường
	21.6.2003			Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Hậu	
42	Phạm Vĩnh Tâm		8.Tú Sơn 2. Lân Phong	Nông	ĐH	3/7/1974	Sinh viên ra trường
	15.12.2003			Phụ thuộc Kinh, không		Đặng Điều	
43	Nguyễn Thành Hưng		13B.Tú Sơn 2 .Lân Phong	Nông	ĐH	Nguyễn Thị Thu	Sinh viên ra trường
	23.12.2003			Phụ thuộc Kinh, không		Phạm Vinh	
44	Nguyễn Ngọc Mao		9.Tú Sơn 2. Lân Phong	Nông	ĐH	Nguyễn Thị Thùy Quyên	Sinh viên ra trường
	28.04.2003			Phụ thuộc Kinh, không		Phạm Vĩnh Hào	
45	Nguyễn Tấn Hòa		13a.Tú Sơn 2. Lân Phong.	Nông	ĐH	Huỳnh Thị Tư	Sinh viên ra trường
	27.5.2002			Phụ thuộc		Nguyễn Thành Quang	

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần gia đình -Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
45				Kinh, không		11.4.1978	Đến tuổi
46	Hà Tấn Vũ		10/Tú Sơn 2/ Lân Phong	Nông	ĐH	Hà Châu Tuấn	5 xoang mãn tính
	07.08.2002			Phụ thuộc		25.12.1974	Gọi lại
				Kinh, không		Nguyễn Thị Tuyết	
						24.6.1976	
47	Nguyễn Ngọc Hoàng Nguyên		9.Tú Sơn 2	Nông	CĐ	Nguyễn Ngọc Rìn	2025 dự bị
	09.02.2002			Phụ thuộc		40.10.1954	
				Kinh, không		Hà Thị Tài	
						22.1.1964	
48	Nguyễn Mâu Thuyết		12.Tú Sơn 2	Nông	ĐH	342230740	2025 dự bị
	24.10.2002			Phụ thuộc		Nguyễn Mâu Hải	
				Kinh, không		10.2.1968	
						Bùi Thị Thẽ	
49	Nguyễn Gia Quốc		9.Tú Sơn 2. Lân Phong.	Nông	ĐH	8.6.1970	2025 dự bị
	12.04.2002			Phụ thuộc		Nguyễn Gia Bảo	
				Kinh, không		10.6.1979	
						Phạm Thị Ngọc Thảo	
50	Trương Phạm Hoàng Long		13b/Tú Sơn 2/ Lân Phong	Nông	ĐH	25.4.1983	4 viêm mũi dị ứng Gọi lại
	25.5.2000			Phụ thuộc		Trương Quang Thi	
				Kinh, không		Phạm Thị Bích Thùy	
51	Lê Văn Sông		23.Thạch Trụ Đông. Lân Phong	Nông	9,12	Lê Văn Hùng	Đến tuổi
	12.02.2008			Phụ thuộc		Văn Thị Lược	
				Kinh, không			
52	Trần Hữu Ngân		22.Thạch Trụ Đông. Lân Phong	Nông	9,12	Trần Văn Di	Đến tuổi
	15.01.2008			Phụ thuộc		Ngô Thị Hồng Thơm	
				Kinh, không			
53	Trương Thanh Phương		14.Thạch Trụ Đông. Lân Phong	Nông	9,12	Trương Thanh Hà	Đến tuổi
	29.11.2007			Phụ thuộc		09.04.1980	
				Kinh, không		Đậu Thị Anh	
						25.01.1983	
54	Lê Châu Khanh		21.Thạch Trụ Đông. Lân Phong	Nông	9,12	Lê Văn May	Đến tuổi
	24.09.2007			Phụ thuộc		1977	
				Kinh, không		Nguyễn Thị Nhi	
						1976	
55	Đặng Phùng Quốc Dũng		24.Thạch Trụ Đông. Lân Phong	Nông Phụ thuộc	9,12	Đặng Ngọc Rê Phùng Thị Mật	Đến tuổi

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần gia đình -Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
55			Lân Phong	Kinh, không			
56	Võ Hồng Phát 23.11.2007		24.Thạch Trụ Đông. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	10,12	Võ Hồng Lâm Phạm Thị Hậu	Đến tuổi
57	Nguyễn Lữ Anh Khương 22.06.2007		24.Thạch Trụ Đông. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	9,12	Nguyễn Phú Đông 1980 Lữ Thị Huynh 1982	Đến tuổi
58	Nguyễn Võ Ngọc Dân 13.02.2007		21.Thạch Trụ Đông. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	11,12	Nguyễn Quân 1978 Võ Thị Thu Phương 1983	Đến tuổi
59	Đinh Quang Đạt 17.11.2007		14.Thạch Trụ Đông. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	9,12	Đinh Thái Nguyên 09.6.1983 Bùi Thị Trang 10.10.1985	Đến tuổi
60	Lê Thành Tài 21.10.2006		22.Thạch Trụ Đông. Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	9,12	Lê Văn Tùng Đinh Thị Thủy Ngân	Đạt SK 2025 đơn vị trả về
61	Nguyễn Minh Hiếu 31.5.2004 965279041		14.Thạch Trụ Đông. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CD	Lê Thị Hồng Hà 8.6.1976	Sinh viên ra trường
62	Nguyễn Đức Nhân 10.9.2004		24.Thạch Trụ Đông. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CD	Nguyễn Đức Hào 23.11.1979 Mai Thị Phẩm 4.1.1982	Sinh viên ra trường
63	Nguyễn Được 31.3.2004		23.Thạch Trụ Đông. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CD	Nguyễn Chiến 10.7.1976 Võ Thị Yến 2.2.1975	Sinh viên ra trường
64	Lữ Văn Khải 22.7.2004		24.Thạch Trụ Đông. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CD	Lữ Văn Nhân 11.8.1977 Nguyễn Thị Luận 7.10.1982	Sinh viên ra trường
65	Nguyễn Ngọc Huy 08.02.2003		21 .Thạch Trụ Đông. Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Nguyễn Ngọc Quang Nguyễn Thị Kim Liên 0.4.1974	Sinh viên ra trường
66	Lữ Trung Hiếu 28.11.2003		24.Thạch Trụ Đông, Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CD	Lữ Hà 97844144 22.9.1978	Sinh viên ra trường

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần gia đình -Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
66						Bành Thị Siu 26.12.1972	Đến tuổi
67	Nguyễn Trần Phát Thịnh 03.12.2003		21 .Thạch Trụ Đông. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12,12	Nguyễn Luận 6.9.1973 Nguyễn Thị Uyên 3.3.1977(chết)	2025 dự bị
68	Nguyễn Đình Hiệu 19.8.2002		14. Thạch Trụ Đông, Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Nguyễn Đình Mai 21.8.1956 Nguyễn Thị Danh 12.2.1963	2025 dự bị
69	Nguyễn Thành Phúc 22.6.2002		24.Thạch Trụ Đông, Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Nguyễn Lênh Phạm Thị Trinh 01.4.1971	Sinh viên ra trường
70	Nguyễn Hoàng Phi Thiện 29.6.2002		14. Thạch Trụ Đông, Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Nguyễn Quân 07.8.1972 Nguyễn Thị Thao 01.01.1975	Sinh viên ra trường
71	Nguyễn Văn Nhân 25.01.2008		17.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	9,12	Nguyễn Văn Quá Nguyễn Thị Hương	Đến tuổi
72	Vũ Gia Kỳ 09.01.2008		18a.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	9,12	Vũ Thanh Lan	Đến tuổi
73	Nguyễn Bảo Duy 07.02.2008		19a.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	9,12	Nguyễn Điện Bùi Thị Thủy Hân	Đến tuổi
74	Nguyễn Minh Pháp 03.10.2007		15.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	8,12	Nguyễn Pha Nguyễn Thị Lan	Đến tuổi
75	Trình Phạm Quang Nam 18.06.2007		15.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	10,12	Trình Quang Lâm Phạm Thị Xuân Mai	Đến tuổi
76	Lê Phan Gia Minh 14.09.2007		16.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	10-Dec	Lê Thanh Khoa Phan Thị Trương Tiên	Đến tuổi
77	Nguyễn Đăng Nhật 05.09.2007		16.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	10,12	Nguyễn Đăng Được Phạm Thị Sáu	Đến tuổi
78	Hoàng Tăng Thiện 28.04.2007		16.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	10-Dec	Hoàng Tăng Tín Mai Thị Thủy	Đến tuổi

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	-Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình; bản thân ⁸	-Thành phần gia đình	-Trình độ văn hóa,	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ, năm sinh, nghề nghiệp	
79	Đoàn Nguyễn Anh Khôi		17.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông	10,12	Đoàn Xuân Nhứt	Đến tuổi
	16.11.2007			Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Xuân Nương	
80	Huỳnh Gia Hào		15.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông	9,12	Huỳnh Kim Duy	Đến tuổi
	14.07.2007			Phụ thuộc Kinh, không		Trần Thị Mỹ Lệ	
81	Trương Huỳnh Minh Phát		16.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông	8,12	Trương Huỳnh Minh Thành	Đến tuổi
	26.04.2007			Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Miên	
82	Nguyễn Quang Vũ		16.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông	9,12	Nguyễn Văn Chính 1979	Đến tuổi
	31.08.2007			Phụ thuộc Kinh, không		Trần Thị Triều 1985	
83	Bùi Tiến Dũng		17.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông	9,12	Bùi Tiến Quân	Đến tuổi
	13.02.2007			Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Thanh Huyền	
84	Đặng Phúc Ân		17.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông	9,12	Đặng Thành Trung 1976	Đến tuổi
	06.07.2007			Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Vân Truyền	
85	Nguyễn Hữu Bảo		18a.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông	9,12	1982	Đến tuổi
	18.12.2007			Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thanh Hải	
86	Nguyễn Huỳnh Đức		18a.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông	10,12	1978	Đến tuổi
	12.05.2007			Phụ thuộc Kinh, không		Trần Thị Thanh 1978	
87	Nguyễn Quang Duy		18b.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông	9,12	Nguyễn Thị Nguyệt Nga	Đến tuổi
	22.12.2007			Phụ thuộc Kinh, không		1974	
88	Nguyễn Quốc Toàn		19b.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông	9,12	Nguyễn Quang Rìn	Đến tuổi
	05.12.2007			Phụ thuộc Kinh, không		Bùi Thị Thư	
89	Bùi Trung Ngoan		17.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông	9,12	Nguyễn Phước	Đến tuổi
	15.02.2007			Phụ thuộc Kinh, không		Lê Thị Lệ	
90	Phạm Thanh An		19b.Thạch Trụ Tây, Lân Phong	Nông	12,12	Bùi Thị Nương	2025 dự bị
	18.12.2006			Phụ thuộc Kinh, không		15.5.1988	
91	Nguyễn Văn Tấn		18b.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông	12,12	Phạm Văn Thanh	2025 dự bị
	07.03.2006			Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Phương	
	Nguyễn Thái Bình An			Nông		Nguyễn Văn Đạt	Sinh viên ra trường
						Huỳnh Thị Hồng Yến	
						Nguyễn Thái Châu	2022-2025

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân ⁹ Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần gia đình -Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
92	02.08.2006 CCCD:051206009333		15.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không	10,12	Nguyễn Thị Phương Dung	Ra trường
93	Phan Minh Hiếu 30.09.2005		16 .Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	9,12	Phan Tấn Trung 16.03.1975 Nguyễn Thị Thu Hà 10.10.1982	2025 dự bị
94	Trần Quốc Hiếu 14.2.2004		17.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CD	Trần Quốc Dũng 4.11.1977 Trần Thị Hiền 10.10.1981	Sinh viên ra trường
95	Nguyễn Kỳ Vỹ 14.11.2004		17.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CD	Nguyễn Đình Thạch Liêm 1.1.1969 Bùi Thị Danh 1.1.1975	Sinh viên ra trường
96	Lê Anh Kiệt 27.4.2004		17.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CD	Lê Văn Nam 9.10.1975 Lâm Thị Thanh Thủy 10.10.1977	928131422 Sinh viên ra trường
97	Võ Hoàng Vũ 24.1.2004		17.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CD	Võ Thị Hiệp 1.4.1973	Sinh viên ra trường
98	Nguyễn Trọng Quảng 11.11.2004		18b.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CD	Nguyễn Được 5.5.1969 Nguyễn Thị Hồng Lan 10.6.1978	Sinh viên ra trường
99	Nguyễn Minh Hiếu 1.3.2004		18b.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CD	Nguyễn Ứt 10.12.1971 Nguyễn Thị Mỹ Lâm 18.7.1976	Sinh viên ra trường
100	Nguyễn Anh Quyển 15.01.2004		18b. Thạch Trụ Tây	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CD	Nguyễn Anh Vinh Trần Thị Minh Hà	Sinh viên ra trường
101	Nguyễn Hữu Tài 28.09.2003		17.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Nguyễn Thừa 1.11.1972 Bùi Thị Hoa 6.2.1973	Sinh viên ra trường
102	Lê Huỳnh Minh Tâm 6.6.2003		19a.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Lê Ngọc Chí 19.12.1978 Nguyễn Thị Búp 1.12.1978	Sinh viên ra trường

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	-Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình; bản thân	-Thành phần gia đình	-Trình độ văn hóa,	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ, năm sinh, nghề nghiệp	
103	Nguyễn Chí Đông		15.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông	ĐH	Nguyễn Văn Hiến 28.12.1969	Sinh viên ra trường
	12.01.2003			Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Nhân 2.3.1973	
104	Nguyễn Gia Bảo		18b.Thạch Trụ Tây.	Nông	ĐH	Nguyễn Văn Thống	Sinh viên ra trường
	07.09.2003			Phụ thuộc Kinh, không			
105	Nguyễn Thành Đạt		17.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông	ĐH	Nguyễn Tâm	Sinh viên ra trường
	11.07.2003			Phụ thuộc Kinh, không		10.2.1975 Mai Thị Kiêng 12.9.1976	
106	Nguyễn Anh Hào		15.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông	ĐH	Nguyễn Văn Hữu	Sinh viên ra trường
	25.05.2003			Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Tuyết	
107	Nguyễn Hữu Hiệu		16.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông	ĐH	Nguyễn Hữu Quang 25.8.1970	Sinh viên ra trường
	11.07.2003			Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Chín 10.9.1972	
108	Nguyễn Hà Tuyên		16.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông	ĐH	Nguyễn Tuấn Tú 2.10.1979	Sinh viên ra trường
	07.06.2003			Phụ thuộc Kinh, không		Hà Thị Quyên 26.2.1981	
109	Trần Quốc Cường		19a.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông	ĐH	Trần Quốc Hùng	Sinh viên ra trường
	01.07.2003			Phụ thuộc Kinh, không		Lâm Tiểu Ngọc	
110	Nguyễn Võ Nhật Huy		19a.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông	ĐH	Nguyễn Trực	Sinh viên ra trường
	18.08.2003			Phụ thuộc Kinh, không		10.4.1973 Võ Thị Vui 20.10.1978	
111	Trần Nguyễn Như Khôi		19b .Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông	ĐH	Trần Như Khánh	Sinh viên ra trường
	12.09.2003			Phụ thuộc Kinh, không			
112	Lê Võ Duy Khiêm		15.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông	ĐH	Lê Duy Phương	Sinh viên ra trường
	06.11.2003			Phụ thuộc Kinh, không		Võ Thị Loan	
113	Nguyễn Thành Lâm		15.Thạch Trụ Tây, Lân Phong	Nông	ĐH	Nguyễn Văn Sơn	Sinh viên ra trường
	03.10.2003			Phụ thuộc Kinh, không		Lê Thị Hoàng	
114	Nguyễn Thiện Chí		18b.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông	ĐH	Nguyễn Thiện Tâm	Sinh viên ra trường
	23.04.2003			Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Minh Thư	
115	Nguyễn Trần Minh Chiến		15.Thạch Trụ Tây, Lân Phong	Nông	ĐH	Nguyễn Văn Chương	2025 dự bị
	05.03.2003			Phụ thuộc		Trần Khánh Quỳnh Giao	

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần gia đình -Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
116	Huỳnh Đăng Khoa 06.6.2002		17/Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	353865768 Huỳnh Thạch Nam 10.6.1971 Lê Thị Trúc Ly 5.5.1972	5 gãy xương cẳng chân phải Gọi lại
	Lê Nguyễn Hồng Phong 11/2/2001		18a/Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12-Dec	Lê Văn Đông 1.3.1980 Nguyễn Thị Tuyết Vân 8.6.1980	4 viêm xoang Gọi lại
	Nguyễn Quang Vy 7.01.2001		19A.Thạch Trụ Tây, Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Nguyễn Hoàng Phạm Thị Lê	Sinh viên ra trường
119	Huỳnh Đăng Phước 17.10.2001		15.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	9,12	Huỳnh Văn Vũ Đặng Thị Mỹ Hương	2025 dự bị
120	Lê Thiên Hữu 16.5.2001		18b.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Lê Thiên Vôn 10.10.1976 Nguyễn Thị Liễu 22.9.1978	2025 dự bị
121	Nguyễn Mạnh Cường 3.12.2001		18b.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Nguyễn Mạnh Hùng Nguyễn Thị Anh Thư	Sinh viên ra trường
122	Võ Minh Duy 07.07.2001		38.Lâm Thượng. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Võ Hùng 01.01.1977 Phạm Thị Kim Nhanh 24.11.1978	2025 chưa khám
123	Phạm Ngọc Thương 06.10.2001		38.Lâm Thượng. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	9,12	Phạm Văn Hiếu 10.10.1969 Trần Thị Bé 05.9.1975	2025 chưa khám
124	Võ Văn Triệu 17.10.2003		9.Lâm Thượng. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	9,12	Võ Văn Giáp 23.01.1976 Phạm Thị Thơm 20.10.1981	2025 chưa khám
125	Nguyễn Kỳ Anh 18.12.2001		10.Lâm Thượng. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Nguyễn Tấn Chúng 16.3.1977 Lê Thị An, 08.10.1984	Sinh viên ra trường
126	Nguyễn Phan Đức Duy 8/24/2001		10/Lâm Thượng/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CĐ	Phan Thị Tuyết Phương, 19/5/1978	Loại sk gọi lại
	Huỳnh Minh Hiệp		13.Lâm Thượng.	Nông		Huỳnh Hưng	

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân ¹² Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần gia đình -Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
127	11.09.2002		Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	18.10.1974 Trịnh Thị Hiền 10.7.1983	Sinh viên ra trường
128	Nguyễn Tiến Phương 09.01.2002		38.Lâm Thượng. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Nguyễn Cu Anh, 25.10.1978 Võ Thị Phúc 01.01.1980	Sinh viên ra trường
129	Nguyễn Phước Thông 7/22/2002		10/Lâm Thượng/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Trần Thị Lê Hiền, 10/6/1968	Loại sk gọi lại
130	Trần Ngọc Luyện 11.08.2003		9.Lâm Thượng. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Trần Ngọc Bút 19.5.1979 Trần Thị Hồng Thái 16.4.1982	Sinh viên ra trường
131	Phùng Thanh Hiếu 01.01.2003		11.Lâm Thượng. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Phùng Thanh Trung 17.9.1980 Võ Thị Hoàng Duyên 21.11.1980	Sinh viên ra trường
132	Phạm Hữu Sang 19.12.2007		4.Lâm Hạ. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12,12	Phạm Bá Sự 1982 Phạm Thị Ánh Xuân 1987	Đến tuổi
133	Trần Quang Khôi 21.08.2004		10.Lâm Thượng. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CĐ	Trần Quang Chung 20.12.1975 Huỳnh Thị Bé Sáu 10.04.1976	Sinh viên ra trường
134	Nguyễn Đăng Khoa 15.07.2004		11.Lâm Thượng. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CĐ	Nguyễn Minh Phái 31.01.1982 Lê Thị Bích Lan 07.07.1983	Sinh viên ra trường
135	Võ Thanh Bình 23.05.2004		13.Lâm Thượng. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CĐ	Võ Út 16.02.1975 Phạm Thị Hiền 15.09.1979	Sinh viên ra trường
136	Huỳnh Quốc Bảo 21.02.2004		13.Lâm Thượng. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CĐ	Huỳnh Hưng 18.10.1974 Trịnh Thị Hiền 10.07.1983	Sinh viên ra trường
137	Trần Gia Việt 16.3.2004		38.Lâm Thượng. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CĐ	Trần Xuân Thành 10.9.1986 Bùi Thị Vân, 31.12.1983	Sinh viên ra trường
138	Trần Duy Đông 02.6.2004		38.Lâm Thượng. Lân Phong	Nông Phụ thuộc	CĐ	Trần Văn Chung 01.01.1976	Sinh viên ra

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân ¹³ -Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần gia đình -Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
138				Kinh, không		Nguyễn Thị Hà 10.10.1975	trưởng
139	Đỗ Tấn Khiêm 13.05.2005		12.Lâm Thượng. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	10,12	Đỗ Tấn Thiệu 01.01.1977 Nguyễn Thị Đình 11.12.1979	Hết anh em tại ngũ
140	Vô Văn Vỹ 10/20/2005		9/Lâm Thương/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	9-Dec	Vô Văn Giáp, 23/01/1976 Phạm Thị Thom, 20/10/1981	Loại sk gọi lại
141	Lê Minh Nhân 06.12.2006		13.Lâm Thượng. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12,12	Lê Minh Xa 01.01.1969 Trương Thị Khanh 16.08.1972	
142	Trương Quang Thắng 22.09.2007		9.Lâm Thượng. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	9,12	Trương Văn Hiền 1967 Trần Thị Thua 1970	Đến tuổi
143	Lê Minh Duy 04.03.2007		10.Lâm Thượng. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	10,12	Lê Giác 1975 Trần Thị Kiều 1970	Đến tuổi
144	Nguyễn Ngọc Sang 27.12.2001		3.Lâm Hạ. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CD	Nguyễn Ngọc Khánh 14.11.1975 Trương Thị Kim Hương 20.10.1979	Sinh viên ra trường
145	Lê Bảo Việt 05.06.2001		7.Lâm Hạ. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Lê Nê, 11.02.1968 Bùi Thị Sáu 10.5.1973	Sinh viên ra trường
146	Trương Ngọc Luật 01.6.2002		6.Lâm Hạ. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CD	Trương Ngọc Lê 10.10.1965 Phạm Thị Lập 08.02.1975	Sinh viên ra trường
147	Nguyễn Ngọc An 30.06.2003		1.Lâm Hạ. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Nguyễn Ngọc Em 31.12.1976 Trịnh Thị Thuý 03.10.1979	Sinh viên ra trường
148	Vô Thành Được 03.12.2003		3.Lâm Hạ. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Vô Thanh Quý 10.10.1970 Nguyễn Thị Đào 05.10.1969	Sinh viên ra trường

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	-Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình; bản thân ¹⁴	-Thành phần gia đình	-Trình độ văn hóa,	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ, năm sinh, nghề nghiệp	
149	Nguyễn Công Phước 01.01.2003		6.Lâm Hạ.	Nông	ĐH	Nguyễn Công Dũng 03.8.1963	Sinh viên ra trường
			Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		Hồ Thị Thanh 01.01.1970	
150	Lê Hữu Ân 10.06.2003		2.Lâm Hạ.	Nông	ĐH	Lê Hữu Duy 02.3.1970	Sinh viên ra trường
			Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Minh Yên 04.12.1979	
151	Trịnh Văn Tào 13.11.2003		2.Lâm Hạ.	Nông	9,12	Trịnh Văn Thư 10.4.1971	2025 chưa khám
			Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Mười 06.12.1974	
152	Trịnh Quốc Đạt 16.12.2003		2.Lâm Hạ.	Nông	12,12	Trịnh Chức 10.8.1974	2025 chưa khám
			Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		Thái Thị Sương 20.4.1977	
153	Trịnh Minh Tiến 11.11.2003		2.Lâm Hạ.	Nông	12,12	Trịnh Minh Trí 17.01.1975	2025 chưa khám
			Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		Bùi Thị Trang 09.10.1975	
154	Phù Thanh Tâm 20.04.2003		8.Lâm Hạ.	Nông	9,12	Phù Cho 01.3.1961	2025 chưa khám
			Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Phúc (c)	
155	Vô Thành Đạt 30.10.2002		8.Lâm Hạ.	Nông	ĐH	Vô Thanh Quý 10.7.1970	Sinh viên ra trường
			Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Đào 05.10.1969	
156	Nguyễn Thanh Lưu 19.01.2003		1.Lâm Hạ.	Nông	ĐH	Nguyễn Thanh Liêm 23.09.1980	Sinh viên ra trường
			Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		Võ Thị Diệu 10.03.1985	
157	Trịnh Điệp 10/16/2003		5/ Lâm Hạ/	Nông	12-Dec	Trịnh Giáp, 01/01/1974	Đơn vị trả về L2 mất,
			Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Phượng, 10/4/1978	Loại sk gọi lại
158	Trịnh Bá Kiệt 12.05.2004		2.Lâm Hạ.	Nông	CĐ	Trịnh Văn Ba 03.4.1967	Sinh viên ra trường
			Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Mai 01.01.1971	
159	Phạm Minh Biệt 14.07.2004		3.Lâm Hạ.	Nông	CĐ	Phạm Minh Hùng 21.05.1973	Sinh viên ra trường
			Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Thảo	

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	-Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình; bản thân	-Thành phần gia đình	-Trình độ văn hóa,	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ, năm sinh, nghề nghiệp	
160	Phạm Văn Trung 22.10.2004		5.Lâm Hạ. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CĐ	04.05.1977	Sinh viên ra trường
						Phạm Nốp 02.02.1974	
						Nguyễn Thị Phở 25.3.1979	
161	Phạm Văn Nguyên 22.10.2004		5.Lâm Hạ. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CĐ	Phạm Nốp 02.02.1974	Sinh viên ra trường
						Nguyễn Thị Phở 25.3.1980	
						Trương Diệp 07.8.1972	
162	Trương Hoàng Hiếu 18.02.2003		6.Lâm Hạ. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Nguyễn Thị Xuân Oanh 10.02.1973	Sinh viên ra trường
						Trương My 02.9.1979	
163	Trương Quang Thành 17.01.2005		6.Lâm Hạ. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CĐ	Phạm Thị Thủy Trinh 01.01.1981	Sinh viên ra trường
						Nguyễn Hoài Đại 1982	
164	Nguyễn Đại Xuân Trường 16.04.2007		8.Lâm Hạ. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12,12	Nguyễn Thị Mỹ Nhân	Đến tuổi
						Nguyễn Thiên 21.07.1978	
165	Nguyễn Phan Như Thiện 25.05.2006		8.Lâm Hạ. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12,12	Phan Thị Thắng 28.12.1983	2025 chưa khám
						Trình Chức - 10/08/1974	
166	Trình Gia Khiêm 3/7/2006		2/Lâm Hạ/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12-Dec	Thái Thị Sương - 20/04/1977	2025 chưa khám
167	Phạm Huy Nhật 02.10.2007		4.Lâm Hạ. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	10,12	Phạm Thanh Hồng 1975	Đến tuổi
						Phạm Thị Thu Hiền 1975	
168	Phạm Nguyễn Minh Hoàng 13.04.2007		4.Lâm Hạ. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	10,12	Phạm Văn Minh 1975	Đến tuổi
						Nguyễn Thị Tuyết Nhung	
169	Võ Minh Quân 1/3/2002		31/Văn Hà/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CĐ	Võ Sáu, 18/7/1975	Loại sk gọi lại
						Nguyễn Thị Hải Bình, 1979	
170	Nguyễn Thành Hưng 3/3/2001		36/Văn Hà/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12-Dec	Nguyễn Đức Đào, 10/8/1972	Loại sk gọi lại
						Trần Thị Chín, 20/11/1974	
171	Hoàng Khánh Duy 19.5.2002		34.Văn Hà. Lân Phong	Nông Phụ thuộc	ĐH	Hoàng Duy Tuấn 10.09.1978	Sinh viên ra trường

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	-Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình; bản thân ¹⁶⁾	-Thành phần gia đình	-Trình độ văn hóa,	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ, năm sinh, nghề nghiệp	
172	Đinh Trung Quyết 18.05.2003		31.Văn Hà. Lân Phong	Kinh, không	CĐ	Nguyễn Thị Ngọc Oanh 08.02.1979	Sinh viên ra trường
				Nông		Đinh Văn Đoàn 18.6.1977	
				Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Mai 31.12.1978	
173	Phan Tuấn Cảnh 26.9.2003		31.Văn Hà. Lân Phong	Nông	12,12	Phan Gia Tiên 06.3.1974	Sinh viên ra trường
				Phụ thuộc Kinh, không		Võ Thị Nga 19.8.1977	
174	Thạch Lộc Bảo Khanh 03.07.2007		8.Lâm Hạ. Lân Phong	Nông	12,12	Thạch Ngọc Trinh 1979	Đến tuổi
				Phụ thuộc Kinh, không		Lộc Thị Sơn 1984	
175	Nguyễn Công Minh 08.04.2003		33.Văn Hà. Lân Phong	Nông	CĐ	Nguyễn Thái 28.12.1978	Sinh viên ra trường
				Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Kim Anh 30.11.1982	
176	Nguyễn Huy Thục 11.07.2003		33.Văn Hà. Lân Phong	Nông	ĐH	Nguyễn Văn Sĩ 01.7.1969	Sinh viên ra trường
				Phụ thuộc Kinh, không		Phan Thị Kim Khuyên 13.5.1967	
177	Nguyễn Thành Tài 09.07.2003		35.Văn Hà. Lân Phong	Nông	ĐH	Nguyễn Phục 10.8.1973	Sinh viên ra trường
				Phụ thuộc Kinh, không		Phan Thị Thanh Tuyền 01.01.1976	
178	Nguyễn Lê Ngọc Quang 01.07.2003		35.Văn Hà. Lân Phong	Nông	ĐH	Nguyễn Văn Diệp 25.5.1969	Sinh viên ra trường
				Phụ thuộc Kinh, không		Lê Thị Bản Đông 28.3.1972	
179	Nguyễn Đức Chí 10.06.2004		31.Văn Hà. Lân Phong	Nông	CĐ	Nguyễn Cu 01.01.1973	Sinh viên ra trường
				Phụ thuộc Kinh, không		Lê Thị Vạn 06.6.1978	
180	Nguyễn Ngọc Mẫn 25.11.2004		33.Văn Hà. Lân Phong	Nông	CĐ	Nguyễn Thái 18.12.1978	Sinh viên ra trường
				Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Kim Anh 30.11.1982	
181	Nguyễn Quốc Chiến 07.07.2004		33.Văn Hà. Lân Phong	Nông	CĐ	Nguyễn Quốc Vũ 08.06.1979	Sinh viên ra trường
				Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Xuân Tien 30.10.1983	
182	Nguyễn Duy Niên 22.05.2004		34.Văn Hà. Lân Phong	Nông	CĐ	Nguyễn Văn Tự 20.02.1970	Sinh viên ra trường
				Phụ thuộc Kinh, không		Võ Thị Kim Phương 03.02.1971	

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân ^{1/} Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần gia đình -Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
183	Nguyễn Đức Thắng 12.02.2004		34.Văn Hà. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12,12	Nguyễn Ngọc Sỹ 12.8.1965 Nguyễn Thị Nhung 01.01.1970	Sinh viên ra trường
184	Lê Thiên Thuận 07.06.2004		36.Văn Hà. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12,12	Lê Vũ, 12.12.1977 Nguyễn Thị Luân 12.01.1980	Hết anh em tại ngũ
185	Nguyễn Chí Trung 30.09.2004		36.Văn Hà. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CD	Nguyễn Văn Tý 20.6.1976 Phạm Thị Lập 10.7.1979	Sinh viên ra trường
186	Lê Quang Tùng 07.09.2004		36.Văn Hà. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CD	Lê Quang Lành 02.05.1971 Lưu Thị Cương 01.01.1974	Sinh viên ra trường
187	Nguyễn Tấn Đại 22.02.2005		31.Văn Hà. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CD	Nguyễn Phụ 20.11.1975 Nguyễn Thị Kim Hanh 28.02.1977	Sinh viên ra trường
188	Nguyễn Hữu Đăng 30.11.2005		33.Văn Hà. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CD	Nguyễn Hữu Đại 20.10.1979 Đào Thị Hà Nhi 18.5.1982	Sinh viên ra trường
189	Phạm Nguyên An 16.08.2007		32.Văn Hà. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	10,12	Phạm Văn Lắm 1977 Nguyễn Thị Thanh Yên 1985	Đến tuổi
190	Bùi Hùng Cường 29.09.2007		32.Văn Hà. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12,12	Bùi Quang Hùng 1976 Nguyễn Thị Nhỏ 1977	Đến tuổi
191	Nguyễn Thanh Hiền 08.11.2007		33.Văn Hà. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12,12	Nguyễn Thanh Dung 1968 Nguyễn Thị Mai 1967	Đến tuổi
192	Trần Nhật Hào 16.10.2007		33.Văn Hà. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12,12	Trần Văn Phong Phạm Thị Hiền 1982	Đến tuổi
193	Nguyễn Văn Lân 11.10.2007		33.Văn Hà. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12,12	Nguyễn Văn Quân 1981 Trần Thị Thanh Loan	Đến tuổi

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	-Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình; bản thân ¹⁸⁾	-Thành phần gia đình	-Trình độ văn hóa,	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	-Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	-Thành phần bản thân	-Ngoại ngữ	-Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc (Nếu có)	-Dân tộc, tôn giáo	-Đảng, Đoàn	-Họ và tên vợ, năm sinh, nghề nghiệp	
194	Lê Văn Phước		34.Văn Hà.	Nông	9,12	1982	Đến tuổi
	15.04.2007		Lân Phong	Phụ thuộc		Lê Thị Sương	
195	Võ Anh Kiệt		34.Văn Hà.	Nông	12,12	1979	Đến tuổi
	23.07.2007		Lân Phong	Phụ thuộc		Võ Chin	
196	Hồ Thanh Diên		22.Thạch Thang.	Nông	12,12	1984	Hết anh em tại ngũ
	16.8.2001		Lân Phong	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Thanh Thi	
197	Phạm Anh Văn		26.Thạch Thang.	Nông	ĐH	Hồ Đi 1969	Sinh viên ra trường
	20.10.2001		Lân Phong	Phụ thuộc		Võ Thị Mái	
198	Phạm Quang Lượng		27.Thạch Thang.	Nông	CĐ	1972	2025 chưa khám
	03.5.2001		Lân Phong	Phụ thuộc		Phạm Văn Tho	
199	Võ Lê Quang Linh		28.Thạch Thang.	Nông	ĐH	10.5.1970	Sinh viên ra trường
	10.4.2002		Lân Phong	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Vui	
200	Nguyễn Minh Đông		24.Thạch Thang.	Nông	ĐH	25.6.1971	Sinh viên ra trường
	23.02.2003		Lân Phong	Phụ thuộc		Phạm Quang Lành 12.12.1978	
201	Nguyễn Đình Quý		29/Thạch Thang/ Lân Phong	Nông	CĐ	24.01.1978	Loại sk gọi lại
	4/16/2003			Phụ thuộc		Nguyễn Thị Chí	
202	Lê Tân Hậu		24.Thạch Thang.	Nông	ĐH	06.02.1973	Sinh viên ra trường
	05.03.2003		Lân Phong	Phụ thuộc		Lê Thị Thanh Hương 01.4.1976	
203	Bùi Đình Bảo		25.Thạch Thang.	Nông	ĐH	10.10.1969	Sinh viên ra trường
	22.03.2003		Lân Phong	Phụ thuộc		Nguyễn Sinh,	
204	Nguyễn Tô Dương		25.Thạch Thang.	Nông	ĐH	19.6.1976	Sinh viên ra trường
	04.02.2003		Lân Phong	Phụ thuộc		Nguyễn Đình Tính, 12/5/1970	
205	Bùi Thiên Nam		25.Thạch Thang.	Nông	ĐH	29/10/1983	Sinh viên ra trường
	17.06.2003		Lân Phong	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Phương,	

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	-Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình; bản thân	-Thành phần gia đình	-Trình độ văn hóa,	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ, năm sinh, nghề nghiệp	
206	Bùi Minh Bách		26.Thạch Thang.	Nông	ĐH	Bùi Bá,	Sinh viên ra trường
	25.10.2003		Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		10.5.1967 Nguyễn Thị Hiền	
207	Nguyễn Hoàng Phát		30.Thạch Thang.	Nông	CĐ	10.6.1976 Nguyễn Văn Thảo, 10.11.1978	Sinh viên ra trường
	16.11.2003		Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		Phạm Thị Kim Tuyền (c) 1979	
208	Nguyễn Chiến Đại		23.Thạch Thang.	Nông	CĐ	Nguyễn Đình Tư	Sinh viên ra trường
	20.01.2004		Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		27.3.1970 Hồ Thị Kim Cúc	
209	Phạm Hoàng Mạnh		23.Thạch Thang.	Nông	CĐ	26.4.1973 Phạm Thành	Sinh viên ra trường
	28.02.2004		Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		01.01.1978 Nguyễn Thị Lanh	
210	Nguyễn Duy Phước		27.Thạch Thang.	Nông	CĐ	04.06.1974 Nguyễn Sơn,	Sinh viên ra trường
	09.05.2004		Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		05.09.1977 Nguyễn Thị Hợp	
211	Nguyễn Đức Thông		28.Thạch Thang.	Nông	CĐ	24.08.1979 Nguyễn Đức Toàn,	Sinh viên ra trường
	12.03.2004		Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		15.9.1979 Bùi Thị Kim Trang 25.08.1983	
212	Vô Trung Lưu		30.Thạch Thang.	Nông	CĐ	Vô Cường	Sinh viên ra trường
	08.12.2004		Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		25.6.1971 Nguyễn Thị Xuân Hương, 01.01.1971	
213	Nguyễn Đình Phước		30.Thạch Thang.	Nông	CĐ	Nguyễn Văn Sảng	Sinh viên ra trường
	12.02.2004		Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		01.01.1971 Văn Thị Danh	
214	Bùi Thanh Tú		26.Thạch Thang.	Nông	CĐ	10.8.1971 Bùi Xuân Thanh	Sinh viên ra trường
	29.01.2005		Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		10.6.1978 Nguyễn Thị Bé	
215	Nguyễn Lê Việt Anh		28.Thạch Thang.	Nông	CĐ	01.01.1976 Nguyễn Tấn Thanh 20.12.1981	Sinh viên ra trường
	18.04.2005		Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		Lê Thị Tinh, 12.08.1984	
216	Nguyễn Minh Hiếu		28.Thạch Thang.	Nông	10,12	Nguyễn Đức Tâm	Đến tuổi
	01.07.2005		Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		02.10.1962 Vương Thị Mậu	
						02.01.1967	

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	-Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình; bản thân ²⁰	-Thành phần gia đình	-Trình độ văn hóa,	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	-Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	-Thành phần bản thân	-Ngoại ngữ	-Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc (Nếu có)	-Dân tộc, tôn giáo	-Đảng, Đoàn	-Họ và tên vợ, năm sinh, nghề nghiệp	
217	Nguyễn Quốc Trọng		28/Thạch Thang/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12-Dec	Nguyễn Quốc - 8/10/1982	2025 chưa khám
	10/8/2006					Nguyễn Thị Ánh Tuyết - 10/02/1984	
218	Phan Duy Đan		24/Thạch Thang/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12-Dec	Phan Văn Chín - Bùi Thị Bích Phương- 01/01/1981	2025 chưa khám
	7/1/2006						
219	Nguyễn Văn Trí		23.Thạch Thang. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	9,12	Nguyễn Văn Trinh 1976 Nguyễn Thị Lang 1978	Đến tuổi
	10.11.2007						
220	Nguyễn Phi Hùng		22.Thạch Thang. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	11,12	Nguyễn Đăng Trường Dương Thị Thúy Diễm	Đến tuổi
	13.01.2008						
221	Phạm Nguyễn Minh Hưng		24.Thạch Thang. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	11,12	Phạm Cường Nguyễn Thị Mỹ Lệ	Đến tuổi
	11.01.2008						
222	Nguyễn Thiện Nhân		24.Thạch Thang. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	11,12	Nguyễn Văn Thiện Đoàn Thị Yến	Đến tuổi
	10.03.2008						
223	Bùi Văn Trọng		20.Châu Me. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CĐ	Bùi Sướng 05.10.1973 Võ Thị Dương 08.02.1974	Sinh viên ra trường
	20.7.2000						
224	Phạm Thanh Bình		18/Châu Me/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CĐ	Phạm Văn Cường, 18/8/1974 Phạm Thị Thanh Phú, 06/02/1977	Loại sk gọi lại
	12/30/2000						
225	Huỳnh Thanh Huy		15.Châu Me. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Huỳnh Văn An 10.7.1967 Trần Thị Thúy Kiều 04.02.1970	Hết anh em tại ngũ
	26.02.2001						
226	Phạm Minh Hùng		19.Châu Me. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CĐ	Phạm Mọi 02.02.1967 Lê Thị Bích Vân 01.6.1968	2025 chưa khám
	01.03.2001						
227	Bùi Văn Cư		21/Châu Me/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Bùi Văn Cương, 26/11/1978 Nguyễn Thị Diễm, 01/10/1985	Loại sk gọi lại
	9/18/2001						
228	Nguyễn Văn Tuyển		15.Châu Me. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12,12	Nguyễn Văn Hưng 06.01.1971 Lê Thị Hồng Hoa 18.8.1974	Sinh viên ra trường
	19.4.2002						
229	Nguyễn Ngọc Nguyên		17.Châu Me. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Nguyễn Tý 02.3.1971 Phạm Thị Hòa	Sinh viên ra trường
	20.11.2002						

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân ²¹ Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần gia đình -Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
230	Phạm Khánh Tâm 01.03.2002		19.Châu Me. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CD	18.01.1975 Phạm Sảy 02.6.1967 Phạm Thị Lang 01.01.1969	Sinh viên ra trường
231	Vô Văn Vũ 25.9.2002		18.Châu Me. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Vô Là 19.9.1973 Nguyễn Thị Kim Hoa 20.7.1979	2025 dự bị
232	Nguyễn Hoài Công Nin 23.12.2007		8.Lâm Hạ. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12,12	Nguyễn Hoài Nhon 1978 Nguyễn Thị Xuân Diệu 1976	Đến tuổi
233	Nguyễn Vũ Phi Trường 14.4.2002		19.Châu Me. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Nguyễn Vũ Chí 22.11.1973 Nguyễn Thị Vui 10.9.1972	Sinh viên ra trường
234	Nguyễn Tấn An 08.06.2002		19.Châu Me. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Nguyễn Văn Hồng 17.9.1971 Phạm Thị Lan 16.01.1971	Sinh viên ra trường
235	Phạm Văn Thái 16.3.2002		19.Châu Me. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12,12	Phạm Văn Sơn 09.02.1971 Nguyễn Thị Xuân Bé 10.10.1973	2025 chưa khám
236	Đặng Phúc Tài 19.01.2003		17.Châu Me. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CD	Đặng Phúc Tùng (c) 01.01.1983 Trần Thị Lý 29.9.1980	Sinh viên ra trường
237	Vô Thành Đức 20.07.2003		18.Châu Me. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Vô Đây 03.10.1968 Trần Thị Kim Sương, 10.4.1967	Sinh viên ra trường
238	Trương Huỳnh Quang Thông 01.02.2003		18.Châu Me. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Trương Văn, 30.12.1969 Huỳnh Thị Thảo, 01.01.1973	Sinh viên ra trường
239	Phạm Minh Khai 02.08.2004		16.Châu Me. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CD	Phạm Văn Đức 10.7.1982 Nguyễn Thị Thanh Thủy 01.05.1983	Sinh viên ra trường
240	Trương Quang Lâm 18.06.2004		18.Châu Me. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CD	Trương Ất 01.01.1975 Bùi Thị Chơi 01.01.1978	Sinh viên ra trường

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	-Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình; bản thân	-Thành phần gia đình	-Trình độ văn hóa,	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ, năm sinh, nghề nghiệp	
241	Trần Quốc Huy 05.09.2004		16.Châu Me.	Nông	12,12	Trần Thắng,\	Sinh viên ra trường
			Lân Phong	Phụ thuộc		12.12.1963	
				Kinh, không		Phan Thị Kim Cáp 05.9.1969	
242	Phạm Hoàng Phúc 27.11.2004		18.Châu Me.	Nông	12,12	Phạm Trước	2025 chưa khám
			Lân Phong	Phụ thuộc		07.4.1968	
				Kinh, không		Cao Thị Minh Tuấn 03.8.1973	
243	Phạm Ngọc Phát 06.07.2004		20.Châu Me.	Nông	CĐ	Phạm Ngọc Trường, 02.4.1977	Sinh viên ra trường
			Lân Phong	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Minh Lộc 02.10.1984	
				Kinh, không			
244	Nguyễn Thành Nam 30.04.2004		20.Châu Me.	Nông	CĐ	Nguyễn Ai Trung, 11.09.1978	Sinh viên ra trường
			Lân Phong	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Lê, 16.06.1982	
				Kinh, không			
245	Võ Anh Thuận 14.12.2005		19.Châu Me.	Nông	CĐ	Võ Thanh Tuấn,	Sinh viên ra trường
			Lân Phong	Phụ thuộc		29.10.1975	
				Kinh, không		Nguyễn Thị Linh 04.04.1980	
246	Võ Thái Kiệt 27.09.2005		19.Châu Me.	Nông	CĐ	Võ Thanh Hiền	Sinh viên ra trường
			Lân Phong	Phụ thuộc		14.7.1982	
				Kinh, không		Hồ Thị Triều 19.7.1984	
247	Huỳnh Nguyễn Thanh Luân 12.05.2006		15.Châu Me.	Nông	12,12	Huỳnh Phan Thanh Lê 09.04.1974	2025 dự bị
			Lân Phong	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Tài Oanh 12.09.1977	
				Kinh, không			
248	Trịnh Quang Thiện 13.02.2006		16.Châu Me.	Nông	11,12	Trịnh Văn Gương 08.01.1970	Hết anh em tại ngũ
			Lân Phong	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Biều	
				Kinh, không		02.02.1976	
249	Bùi Minh Tồn 31.10.2006		20.Châu Me.	Nông	12,12	Bùi Minh Sướng	2025 dự bị
			Lân Phong	Phụ thuộc		Huỳnh Thị Kim Xuân 19.08.1983	
				Kinh, không			
250	Nguyễn Hải Minh 4/4/2006		18/Châu Me/	Nông	12-Dec	Nguyễn Trương Hải - 17/02/1975	2025 chưa khám
			Lân Phong	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Thủy -20/10/1980	
				Kinh, không			
251	Phan Trung Chí 5/8/2006		17/Châu Me/	Nông	12-Dec	Phan Cu Anh - 02/05/1968	2025 chưa khám
			Lân Phong	Phụ thuộc		Phạm Thị Hường -20/08/1969	
				Kinh, không			
252	Nguyễn Phan Đình Nhật 17.06.2007		18.Châu Me.	Nông	8,12	Nguyễn Đình Hưng	Đến tuổi
			Lân Phong	Phụ thuộc		Phan Thị Thủy Kiều	
				Kinh, không		1988	
253	Trương Quốc Thành		7 / Trí Sơn 1 / Lân Phong		9-Dec	Trương Thị Thủy	VẮNG ĐỊA

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân ²³ Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần gia đình -Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
253	30.11.2005		7 / Tú Sơn 1 / Lân Phong		9-Dec	Trương Thị Thủy	PHƯƠNG
254	Nguyễn Mậu Hùng 04.12.2002		4/Tú Sơn 1	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Nguyễn Mậu Hải 16.5.1975 Phạm Thị Luận 2.10.1977	VẮNG ĐỊA PHƯƠNG
255	Trần Duy Khang 12.12.2001		13b/Tú Sơn 2 /Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12-Dec	Trần Chở Nguyễn Thị Kim Tuyền 10.10.1977	VẮNG ĐỊA PHƯƠNG
256	Nguyễn Văn Hòa 04.03.2006		22/Thạch Trụ Đông/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	8-Dec	Nguyễn Đúng Tô Thị Xuân	VẮNG ĐỊA PHƯƠNG
257	Nguyễn Văn Võ 28.08.2006		24/Thạch Trụ Đông/ Phong Lân	Nông Phụ thuộc Kinh, không	9-Dec	Nguyễn Xung Phong Nguyễn Thị Bích Thủy	VẮNG ĐỊA PHƯƠNG
258	Nguyễn Đình Tính 01.3.2001		22/Thạch Trụ Đông/ Phong Lân	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12-Dec	Nguyễn Đình Tịnh 12.8.1967 Đặng Thị Bảy 15.5.1973	VẮNG ĐỊA PHƯƠNG
259	Nguyễn Anh Long 31.5.2003		18b/Thạch Trụ Tây, Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CĐ	Nguyễn Anh Dũng 3/13/1970 Phạm Thị Tường Vy 20.10.1973	VẮNG ĐỊA PHƯƠNG
260	Nguyễn Tấn Cường 9.11.2002		16/Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CĐ	Nguyễn Tấn Tịnh Nguyễn Thị Quyền	VẮNG ĐỊA PHƯƠNG
261	Nguyễn Đình Duy 22.7.2001		17/Thạch Trụ Tây/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	ĐH	Nguyễn Đình Linh 8.1.1974 Châu Thị Quyền 11.11.1978	KKLĐ
262	Lê Minh Vương 11/5/1999		10/Lâm Thượng/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CĐ	Lê Lai, 30/12//1972 Cao Thị Mười, 31/12//1969	Không có nhà tại địa phương
263	Nguyễn Hữu Tường 5/10/2001		11/Lâm Thượng/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CĐ	Nguyễn Cu Linh, 01/01/1979 Lê Thị Mỹ Châu, 10/9/1977	Không có nhà ở ĐP
264	Nguyễn Ngọc Khiêm 10/26/2001		11/Lâm Thượng/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	Chưa xác định	Nguyễn Cư, 20/10/1968 Trương Thị Dương, 15/11/1968	Vắng cả gia đình tết về

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	-Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình; bản thân ²⁴	-Thành phần gia đình	-Trình độ văn hóa,	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ, năm sinh, nghề nghiệp	
265	Bùi Nguyên Chí		11/Lâm Thượng/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12-Dec	Bùi Quang Thiều, 31/12/1969	Vắng cả gia đình tết về
	11/16/2001						
266	Đỗ Minh Hiếu		12/Lâm Thượng/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	Chưa xác định	Vương Thị Bé Hường, 10/02/1974	Có nhà không về địa phương
	8/5/2001						
267	Võ Việt Kìn		13/Lâm Thượng/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	Chưa xác định	Võ Văn Điệp, 06/12/1975 Trần Thị Vân, 10/04/1980	Không có nhà tại địa phương
	2/1/2002						
268	Nguyễn Thành Chung		13/Lâm Thượng/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	Chưa xác định	Nguyễn Đẹp, 01/01/1974 Nguyễn Thị Hương, 25/01/1974	Không có nhà tại địa phương
	12/1/2002						
269	Lê Văn An		13/Lâm Thượng/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	Chưa xác định	Lê Văn Trình, 9/19/1975 Phạm Thị Thanh Trúc, 02/6/1979	Không có nhà tại địa phương
	5/18/2003						
270	Trịnh Ngọc Hường		9/Lâm Thượng/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	Chưa xác định	Trịnh Ngọc Huy, 24/7/1975 Nguyễn Thị Trâm, 12/12/1981	Không có nhà tại địa phương
	7/11/2004						
271	Phan Duy Tân		12/Lâm Thượng/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	Chưa xác định	Phan Tùng, 8/10/1980 Nguyễn Thị Hồng Lợi, 02/12/1980	Không có nhà tại địa phương
	5/18/2005						
272	Nguyễn Thành Triết		3/Lâm Hạ/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	Chưa xác định	Nguyễn Hiếu, 07/10/1971 Nguyễn Thị Liễu, 17/11/1976	Không có nhà tại địa phương
	4/25/2002						
273	Trịnh Văn Diên		5/Lâm Hạ/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	9-Dec	Trịnh Văn Boi, 20/01/1971 Nguyễn Thị Đài, 07/07/1980	Vắng cả gia đình Tết về
	11/14/2001						
274	Hồ Nguyễn Thanh Phúc		3/Lâm Hạ/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	Chưa xác định	Hồ Thanh Tuấn, Nguyễn Thị Diệu, 10/11/1978	Vắng cả gia đình Tết về
	6/24/2002						
275	Trịnh Hoài Phi		7/Lâm Hạ/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	Chưa xác định	Trịnh Nguyên Quang, 10/12/1972 Đỗ Thị Liễu, 10/10/1976	Vắng cả gia đình Tết về
	2/10/2002						
276	Trịnh Nguyễn Minh Phát		1/Lâm Hạ/	Nông	Chưa	Nguyễn Thị Anh, 01/01/1969	Không có nhà

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân ²⁵ Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần gia đình -Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
276	10/25/2003		Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không	xác định	Nguyễn Thị Anh, 01/01/1968	tại địa
277	Vô Văn Khâm 3/3/2004		8/Lâm Hạ/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	Chưa xác định	Vô Duy Đình, 27/01/1973 Nguyễn Thị Meo, 07/02/1975	Vắng cả gia đình Tết về
278	Võ Minh Quốc Nam 3/6/2004		4/Lâm Hạ/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	Chưa xác định	Võ Minh Hùng, 15/10/1974 Đỗ Thị Hạnh, 09/8/1974	Không có nhà tại địa
279	Trần Thanh Trúc 01/11/2004		8/Lâm Hạ/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	Chưa xác định	Trần Thị Huyền Trâm, 16/02/1982	Vắng cả gia đình Tết về
280	Hồ Minh Quyền 11/3/2004		8/Lâm Hạ/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	Chưa xác định	Hồ Văn Định Phạm Thị Hạnh, 02/6/1975	Không có nhà tại địa
281	Hồ Minh Trí 1/24/2006		5/Lâm Hạ/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	Chưa xác định	Hồ Minh Tâm - 24/07/1979 Lê Thị Hương - 10/07/1986	Vắng cả gia đình Tết về
282	Nguyễn Phan Văn Thư 5/25/2006		8/Lâm Hạ/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12-Dec	Nguyễn Thiên - 21/07/1978 Phan Thị Thắng - 28/12/1984	Không có nhà tại địa
283	Trịnh Anh Duy 6/6/2006		5/Lâm Hạ/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12-Dec	Trịnh Minh Vương - 28/05/1979 Huỳnh Thị Ánh Hồng - 15/10/1979	Không có nhà tại địa
284	Trần Văn Cư 2/17/2001		25/Thạch Thang/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	Chưa xác định	Trần Văn Lâm, 08/08/1967 Nguyễn Thị Quyên, 11/08/1975	Không có nhà tại địa
285	Lê Nguyễn Đức Anh 10/12/2001		29/Thạch Thang/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	Chưa xác định	Lê Thành Nguyễn Thị Thanh Thảo, 03/02/1974	Không có nhà tại địa
286	Nguyễn Bạch Dương 10/11/2002		23/Thạch Thang/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	CD	Nguyễn Đức Tình, 06/10/1976 Trương Thị Bền, 20/01/1979	Vắng cả gia đình Tết về
287	Lê Nguyễn Thành Long 12/3/2002		26/Thạch Thang/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc	Chưa xác định	Lê Nhân (c) Nguyễn Thị Khánh Ly, 16/11/1982	Không có nhà tại địa

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	-Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình; bản thân ²⁶⁾	-Thành phần gia đình	-Trình độ văn hóa,	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ, năm sinh, nghề nghiệp	
288	Đào Thái Tuấn 5/27/2002		26/Thạch Thang/ Lân Phong	Kinh, không	Chưa xác định	Đào Văn Chi, 20/06/1980 Phạm Thị Thanh Thủy, 14/08/1976	Vắng cả gia đình Tết về
				Nông			
				Phụ thuộc			
289	Nguyễn Hữu Khiết 9/26/2002		29/Thạch Thang/ Lân Phong	Kinh, không	Chưa xác định	Nguyễn Thanh, 01/05/1977 Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, 01/02/1980	Không có nhà tại địa phương
				Nông			
				Phụ thuộc			
290	Nguyễn Phát Quang 4/18/2003		23/Thạch Thang/ Lân Phong	Kinh, không	Chưa xác định	Nguyễn Văn Mới, 06/6/1970 Hồ Thị Khéo, 18/10/1969	Vắng cả gia đình Tết về
				Nông			
				Phụ thuộc			
291	Nguyễn Xuân Hiệp 6/26/2003		24/Thạch Thang/ Lân Phong	Kinh, không	Chưa xác định	Nguyễn Đức Hải, 09/12/1977 Nguyễn Thị Xem, 12/10/1983	Không có nhà tại địa phương
				Nông			
				Phụ thuộc			
292	Phạm Tuấn Lộc 3/26/2003		26/Thạch Thang/ Lân Phong	Kinh, không	Chưa xác định	Phạm Thị Úc, 02/10/1969	Không có nhà tại địa phương
				Nông			
				Phụ thuộc			
293	Luu Văn Toàn 9/9/2004		25/Thạch Thang/ Lân Phong	Kinh, không	12-Dec	Luu Thị Hạnh, 03/4/1963	Không có nhà tại địa phương
				Nông			
				Phụ thuộc			
294	Phạm Anh Khoa 10/3/2004		23/Thạch Thang/ Lân Phong	Kinh, không	Chưa xác định	Phạm Văn Khỏe Nguyễn Hải Yến, 15/8/1979	theo mẹ ở Hà Lan
				Nông			
				Phụ thuộc			
295	Bùi Đình Trung Hậu 4/11/2004		25/Thạch Thang/ Lân Phong	Kinh, không	Chưa xác định	Bùi Đình Nam (c) Lê Thị Lương, 24/4/1967	Không có nhà tại địa phương
				Nông			
				Phụ thuộc			
296	Bùi Quang Khanh 11/2/2004		26/Thạch Thang/ Lân Phong	Kinh, không	Chưa xác định	Bùi Hoà , 12/12/1971 Nguyễn Thị Tươi, 23/3/1969	Vắng cả gia đình Tết về
				Nông			
				Phụ thuộc			
297	Nguyễn Sĩ Hiếu 12/21/2005		25/Thạch Thang/ Lân Phong	Kinh, không	Chưa xác định	Nguyễn Thị Hường (c)	Vắng cả gia đình Tết về
				Nông			
				Phụ thuộc			
298	Nguyễn Anh Vũ 12/13/2005		27/Thạch Thang/ Lân Phong	Kinh, không	Chưa xác định	Nguyễn Thông, 12/8/1976 Bùi Thị Lệ Oanh, 20/01/1982	Không có nhà tại địa phương
				Nông			
				Phụ thuộc			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	-Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình; bản thân ²⁷	-Thành phần gia đình	-Trình độ văn hóa,	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ, năm sinh, nghề nghiệp	
299	Nguyễn Thạch Duy Mạnh		27/Thạch Thang/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	Chưa xác định	Nguyễn Văn Định, 10/5/1978 Thạch Thị Xía	Không có nhà tại địa phương
	Lê Quang Tâm		30/Thạch Thang/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	Chưa xác định	Lê Văn Tuấn, 15/8/1975 Ngô Thị Thủy, 10/10/1978	Không có nhà tại địa phương
301	Nguyễn Vũ Đan Trường		26/Thạch Thang/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	11-Dec	Nguyễn Thanh Vũ - 11/12/1980 Nguyễn Thị Ny -	Không có nhà tại địa phương
	Nguyễn Bá Thành		36/Văn Hà/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	Chưa xác định	Nguyễn Văn Út, 10/02/1974 Phạm Thị Ánh, 12/08/1980	Không có nhà tại địa phương
303	Nguyễn Trần Văn Ty		33/Văn Hà/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	Chưa xác định	Nguyễn Thị Hồng Thủy, 1978	Vắng cả gia đình Tết về
	Hàng Phạm Ngọc Giáp		31/Văn Hà/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	Chưa xác định	Hàng Thị Sự, 10/5/1964	Vắng cả gia đình Tết về
305	Nguyễn Hoàng Phúc		37/Văn Hà/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	Chưa xác định	Nguyễn Mai, 05/10/1974 Phạm Thị Thanh Thuý, 04/9/1975	Vắng cả gia đình Tết về
	Phan Phạm Bảo Hưng		31/Văn Hà/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	Chưa xác định	Phan Ngọc Hoài, 24/01/1972 Phạm Thị Diễm, 11/11/1973	Vắng cả gia đình không về địa phương
307	Phạm Phương Tây		35/Văn Hà/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	Chưa xác định	Phạm Văn Bình, 04/10/1976 Trần Thị Quyên, 25/7/1978	Vắng cả gia đình Tết về
	Nguyễn Anh Kiệt		32/Văn Hà/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	Chưa xác định	Nguyễn Văn Liễu, 10/10/1979 Đặng Thị Bích Liễu, 13/06/1983	Vắng cả gia đình Tết về
309	Nguyễn Thanh Hoàng Phi		32/Văn Hà/ Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	Chưa xác định	Nguyễn Thanh Bình, 09/05/1973 (c) Nguyễn Thị Như Sâm, 01/09/1978	Không có nhà tại địa phương

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân ²⁸⁾ Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần gia đình -Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
310	Nguyễn Thiên Phú 24/07/2005		37/Văn Hà/ Lân Phong	Nông	12-Dec	Nguyễn Phi Cường, 06/6/1976	Không có nhà tại địa phương
				Phụ thuộc		Nguyễn Thị Hồng Diên, 12/7/1982	
				Kinh, không			
311	Nguyễn Bùi Anh Phát 12/9/2006		36/Văn Hà/ Lân Phong	Nông	12-Dec	Nguyễn Hữu Trọng - 27/01/1967	Không có nhà tại địa phương
				Phụ thuộc		Bùi Thị Liễu - 4/10/1975	
				Kinh, không			
312	Nguyễn Hồng Hiếu 7/17/2006		36/Văn Hà/ Lân Phong	Nông	12-Dec	Nguyễn Văn Út - 10/02/1974	Không có nhà tại địa phương
				Phụ thuộc		Phạm Thị Ánh 12/08/1980	
				Kinh, không			
313	Phạm Đăng Khoa 9/14/2006		32/Văn Hà/ Lân Phong	Nông	12-Dec	Phạm Huy Thông - 10/05/1976	Vắng cả gia đình Tết về
				Phụ thuộc		Nguyễn Thị Thu Thủy - 08/04/1979	
				Kinh, không			
314	Nguyễn Quan Trường 4/10/2006		32/Văn Hà/ Lân Phong	Nông	12-Dec	Nguyễn Văn Bé 01/01/1974	Vắng cả gia đình Tết về
				Phụ thuộc		Nguyễn Thị Thảo - 01/01/1971	
				Kinh, không			
315	Bùi Văn Sỹ 6/1/2001		17/Châu Me/ Lân Phong	Nông	CĐ	Bùi Thị Nga, 25/12/1979	Vắng cả gia đình Tết về
				Phụ thuộc			
				Kinh, không			
316	Phạm Hồng Quyết 8/8/2001		18/Châu Me/ Lân Phong	Nông	Chưa	Phạm Ngọc Tiến, 01/06/1974	Không có nhà tại địa phương
				Phụ thuộc	xác định	Phạm Thị Phụng, 29/11/1976	
				Kinh, không			
317	Bùi Quang Trường 24/3/2001		20/Châu Me/ Lân Phong	Nông	Chưa	Bùi Văn Sa,	Không có nhà tại địa phương
				Phụ thuộc	xác định	10/27/1974	
				Kinh, không		Phạm Thị Huyền, 09/09/1975	
318	Bùi Thiên Nghi 3/18/2001		21/Châu Me/ Lân Phong	Nông	ĐH	Bùi Thiên Điệp, 08/10/1972	Vắng cả gia đình Tết về
				Phụ thuộc		Nguyễn Thị Lệ Thu, 27/11/1974	
				Kinh, không			
319	Trình Nguyễn Văn Lâm 1/10/2002		16/Châu Me/ Lân Phong	Nông	Chưa	Nguyễn Thị Ánh Hoa, 15/05/1975	Vắng cả gia đình Tết về
				Phụ thuộc	xác định		
				Kinh, không			
320	Nguyễn Việt Bằng 4/27/2003		19/Châu Me/ Lân Phong	Nông	chưa	Nguyễn Lương	Không có nhà tại địa phương
				Phụ thuộc	xác định	10/02/1972	
				Kinh, không		Phạm Thị Thu Trang, 05/7/1980	
321	Phạm Ngọc Trọng		19/Châu Me/	Nông	chưa	Phạm Ngọc Tài, 02/10/1978	Không có nhà

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	-Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình; bản thân	-Thành phần gia đình	-Trình độ văn hóa,	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ, năm sinh, nghề nghiệp	
321	10/23/2003		Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không	xác định	Nguyễn Thị Hương, 07/9/1982	tại địa phương
322	Đoàn Nguyễn Minh Tường		19/Châu Me/	Nông	chưa	Đoàn Minh Tâm	Không có nhà
	3/2/2004		Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không	xác định	Nguyễn Thị Tân 7/2/1978	tại địa phương
323	Bùi Đình Trị		19/Châu Me/	Nông	12-Dec	Bùi Đình Diệt,	Vắng cả gia đình Tết về
	7/20/2004		Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		4/10/1975	
						Bùi Thị Huệ, 10/10/1978	
324	Cao Đức Anh		20/Châu Me/	Nông	chưa	Chủ hộ: Nguyễn Thị Xanh	Không có nhà
	3/26/2004		Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không	xác định	Cao Thị Hạnh 10/20/1982	tại địa phương
325	Phạm Ngọc Trường		19/Châu Me/	Nông	chưa	Phạm Ngọc Tấn, 09/11/1975	Không có nhà
	12/4/2004		Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không	xác định	Nguyễn Thị Mai, 12/11/1975	tại địa phương
326	Nguyễn Trương Chí Tâm		17/Châu Me/	Nông	chưa	Nguyễn Tấn Tài, 06/12/1978	Không có nhà
	8/6/2005		Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không	xác định	Trương Thị Mỹ Lệ	tại địa phương
327	Phạm Kim Hiệu		18/Châu Me/	Nông	chưa	Phạm Thanh Hùng (c)	Không có nhà
	11/3/2005		Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không	xác định	Nguyễn Thị Nhân, 01/01/1977	tại địa phương
328	Nguyễn Thiện Nhân		18/Châu Me/	Nông	chưa	Nguyễn Thiên,	Không có nhà
	16/04/2005		Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không	xác định	12/21/1973	tại địa phương
						Bùi Thị Huệ, 9/15/1979	
329	Lê Võ Thanh Uy		18/Châu Me/	Nông	chưa	Lê Thanh Quang, 10/07/1971	Vắng cả gia đình Tết về
	21/03/2005		Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không	xác định	Võ Thị Bích Phương 1972	
330	Phạm Quốc Quang		20/Châu Me/	Nông	12-Dec	Phạm Văn Chín - 01/01/1971	Vắng cả gia đình Tết về
	10/15/2006		Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Hương - 12/07/1973	
	Ngô Dương			Nông		Ngô Hồ	

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	-Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình; bản thân ³⁰⁾		-Thành phần gia đình	-Trình độ văn hóa,	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi ở hiện nay của bản thân	Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ, năm sinh, nghề nghiệp	
331	13.11.2007		5. Tú Sơn 1.	Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không	11,12	24.5.1974 Nguyễn Thị Kim Phụng	Đến tuổi
332	Nguyễn Hữu Trọng 09.07.2007		5. Tú Sơn 1.	Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	11,12	01.10.1976 Nguyễn Văn Dân 20.3.1980 Bùi Thị Thường 12.10.1981	Đến tuổi
333	Trần Đức Vỹ 28.11.2007		8. Tú Sơn 2.	Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	11,12	Trần Quang Đức Nguyễn Thị Kim Ái	Đến tuổi
334	Đỗ Minh Đạt 01.02.2007		9. Tú Sơn 2.	Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	11,12	Đỗ Văn Sơn 1977 Trần Thị Thu 1978	Đến tuổi
335	Trần Trọng Tấn 06.12.2007		9. Tú Sơn 2.	Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	11,12	Trần Hoà 1972 Nguyễn Thị Anh 1978	Đến tuổi
336	Nguyễn Mậu Thuật 04.10.2007		13a. Tú Sơn 2.	Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	11,12	Nguyễn Mậu Để 1970 Đinh Thị Hà 1975	Đến tuổi
337	Trần Ánh Hoàng Nhật 02.09.2007		10. Tú Sơn 2.	Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	11,12	Trần Mai 1976 Nguyễn Thị Lam 1982	Đến tuổi
338	Trần Thanh Tâm 27.05.2007		10. Tú Sơn 2.	Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	11,12	Trần Thanh Trương Thị Lệ	Đến tuổi
339	Hà Huỳnh Long Nhật 04.06.2007		10. Tú Sơn 2.	Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	11,12	Hà Tấn Nể 1968 Huỳnh Thị Hoa 1970	Đến tuổi
340	Nguyễn Lữ Ngọc Vinh 21.08.2007		12. Tú Sơn 2.	Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	11,12	Nguyễn Ngọc Anh Tâm 10.6.1982 Lữ Thị Nhuận 30.8.1987	Đến tuổi
341	Trần Đình Hiệu 16.08.2007		13a. Tú Sơn 2.	Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	11,12	Trần Văn Hiệp\ Trần Thị Sương	Đến tuổi
	Lâm Gia Phát				Nông		Lâm Xuân Liêm	

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	-Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình; bản thân ³¹	-Thành phần gia đình	-Trình độ văn hóa,	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ, năm sinh, nghề nghiệp	
342	09.05.2007		13a. Tú Sơn 2. Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không	11,12	1973 Huỳnh Thị Kim Nhung	Đến tuổi
343	Hoàng Tú Tài 15.02.2007		12. Tú Sơn 2. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	11,12	1984 Hoàng Tiến Lộc 1980 Phạm Thị Mới 1983	Đến tuổi
344	Trần Minh Tú 30.04.2007		13b. Tú Sơn 2. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	11,12	1980 Trần Minh Châu Thới Thị Bích Nga 1987	Đến tuổi
345	Nguyễn Đình Bách 08.01.2008		14.Thạch Trụ Đông. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	11,12	Nguyễn Đình Triều Phạm Thị Lệ Quyên	Đến tuổi
346	Nguyễn Đình Quốc 12.02.2008		22.Thạch Trụ Đông. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	11,12	Nguyễn Đình Quý Đoàn Thị Nhị	Đến tuổi
347	Lữ Lê Gia Huy 17.01.2007		24.Thạch Trụ Đông. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	11,12	Lữ Thìn 1976 Lê Thị Mỹ Nhung 1980	Đến tuổi
348	Nguyễn Thanh Toàn 05.12.2007		22.Thạch Trụ Đông. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	11,12	Nguyễn Thanh Lâm 1970 Nguyễn Thị Điểm 1981	Đến tuổi
349	Nguyễn Đức Trọng 18.09.2007		24.Thạch Trụ Đông. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	11,12	Nguyễn Lươ 1972 Nguyễn Thị Nhị 1977	Đến tuổi
350	Nguyễn Thế Vỹ 07.04.2007		14.Thạch Trụ Đông. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	11,12	Nguyễn Hiệp 1987 Nguyễn Thị Huê 1983	Đến tuổi
351	Ngô Gia Hưng 04.04.2007		20.Thạch Trụ Đông. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	11,12	Ngô Phi Bùi Thị Hà Thanh	Đến tuổi
352	Phan Quang Kiệt 04.01.2007		21.Thạch Trụ Đông. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	11,12	Phan Phú Phong 1979 Phan Thị Hiệp 1978	Đến tuổi

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	-Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình; bản thân ³²¹	-Thành phần gia đình	-Trình độ văn hóa,	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ, năm sinh, nghề nghiệp	
353	Huỳnh Tấn Nam 20.03.2007		15.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	11,12	Huỳnh Tấn Quất 1969 Phạm Thị Thanh Phương 1982	Đến tuổi
354	Phạm Hoàng Anh Vũ 26.09.2007		15.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	11,12	Phạm Văn Quốc 22.7.1971 Hồ Thị Ánh 1978	Đến tuổi
355	Nguyễn Lê Phúc Duy 16.06.2007		15.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	11,12	Nguyễn Văn Nam 1966 Lê Thị Hồng Oanh 1670	Đến tuổi
356	Phạm Quốc Nhã 07.11.2007		15.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	11,12	Phạm Quốc Bảo 1979 Trương Thị Mỹ Nữ 1985	Đến tuổi
357	Hồ Tấn Trí 09.02.2007		15.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	11,12	Hồ Tấn Loan 12.01.1974 Lê Thị Thục Loan 04.10.1979	Đến tuổi
358	Ngô Nguyễn Hoàng Long 20.01.2007		15.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	11,12	Ngô Duy Tân 02.01.1981 Nguyễn Thị Cẩm Giang	Đến tuổi
359	Đình Việt Phong 16.03.2007		15.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	11,12	Đình Văn Trí 1972 Dương Thị Ngọc Hạnh 1981	Đến tuổi
360	Huỳnh Minh Tú 21.01.2007		15.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	11,12	Huỳnh Hoà Thẩm 26.6.1978 Phan Thị Ngọc Phụng 02.02.1979	Đến tuổi
361	Trần Văn Anh Khoa 28.10.2007		16.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	11,12	Trần Văn Vững 1983 Đỗ Thị Thanh Ngân 1985	Đến tuổi
362	Nguyễn Huỳnh Trọng Nhân 22.09.2007		16.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	11,12	Nguyễn Khánh 1963 Huỳnh Thị Tường Vi 1978	Đến tuổi
363	Nguyễn Tiến Nhật 04.02.2007		16.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông Phụ thuộc	11,12	Nguyễn Quả 1969 Nguyễn Thị Bình 1976	Đến tuổi

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	-Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình; bản thân ³³⁾	-Thành phần gia đình	-Trình độ văn hóa,	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ, năm sinh, nghề nghiệp	
364	Nguyễn Đăng Hoàng Khang 09.09.2007		17.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Kinh, không	11,12	Nguyễn Văn Đông	Đến tuổi
				Nông		1979	
				Phụ thuộc		Đặng Thị Thanh Thu	
365	Nguyễn Thành Bảo 19.12.2007		17.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Kinh, không	11,12	1980	Đến tuổi
				Nông		Nguyễn Tâm	
				Phụ thuộc		1975	
366	Huỳnh Tấn Ngọc Hải 18.07.2007		18a.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Kinh, không	11,12	Mai Thị Kiêng	Đến tuổi
				Nông		1976	
				Phụ thuộc		Huỳnh Phụng	
367	Nguyễn Nhật Thảo 04.09.2007		18b.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Kinh, không	11,12	1982	Đến tuổi
				Nông		Huỳnh Thị Lệ Thuỷ	
				Phụ thuộc		1985	
368	Lê Nguyễn Đức Hiền 30.11.2007		18a.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Kinh, không	11,12	Nguyễn Văn Nghiễm	Đến tuổi
				Nông		1981	
				Phụ thuộc		Nguyễn Thị Linh Sa	
369	Nguyễn Chí Vĩ 12.12.2007		18a.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Kinh, không	11,12	1982	Đến tuổi
				Nông		Lê Vũ Liêm	
				Phụ thuộc		1983	
370	Nguyễn Tiến Kiên 06.10.2007		18a.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Kinh, không	11,12	Nguyễn Thị Kiều Sương	Đến tuổi
				Nông		1988	
				Phụ thuộc		Nguyễn Thiên Tâm	
371	Nguyễn Văn Anh Đại 18.03.2007		18b.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Kinh, không	11,12	1976	Đến tuổi
				Nông		Nguyễn Thị Minh Thư	
				Phụ thuộc		1981	
372	Nguyễn Quang Khải 07.12.2007		18a.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Kinh, không	11,12	Nguyễn Tiến Kông	Đến tuổi
				Nông		1975	
				Phụ thuộc		Trần Thị Bích Chi	
373	Võ Duy 06.07.2007		19b.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Kinh, không	11,12	1982	Đến tuổi
				Nông		Nguyễn Anh Thắng	
				Phụ thuộc		1979	
				Kinh, không	11,12	Nguyễn Thị Ly	Đến tuổi
				Nông		1980	
				Phụ thuộc		Nguyễn Văn Lợi	
				Kinh, không	11,12	1986	Đến tuổi
				Nông		Lê Thị Lành	
				Phụ thuộc		1988	
				Kinh, không	11,12	Võ Văn Linh 1980	Đến tuổi
				Nông		Phạm Thị Nở	
				Phụ thuộc		1985	

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	-Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình; bản thân ³⁴	-Thành phần gia đình	-Trình độ văn hóa,	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ, năm sinh, nghề nghiệp	
374	Trần Thế Đan		19b.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông	11,12	Trần Thiện Khiêm 1985	Đến tuổi
	02.10.2007			Phụ thuộc Kinh, không		Phạm Thị Thanh Ngọc 1990	
375	Lâm Vĩnh Phúc		19a.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông	11,12	Lâm Hán Cường	Đến tuổi
	14.08.2007			Phụ thuộc Kinh, không		Nguyễn Thị Mỹ Phương 1987	
376	Nguyễn Minh Nhật		19b.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông	11,12	Nguyễn Đạo	Đến tuổi
	21.11.2007			Phụ thuộc Kinh, không		Phùng Thị Ngọc Hà	
377	Nguyễn Lê Văn Nghĩa		18b.Thạch Trụ Tây. Lân Phong	Nông	11,12	Nguyễn Văn Dũng	Đến tuổi
	29.11.2007			Phụ thuộc Kinh, không		1971 Lê Thị Hồng Liên 1974	
378	Đỗ Như Quốc Cường		10.Lâm Thượng. Lân Phong	Nông	12,12	Đỗ Như Hải	Đến tuổi
	24.02.2007			Phụ thuộc Kinh, không		1968 Trần Thị Hương 1968	
379	Đỗ Hoàng Như Khải		10.Lâm Thượng. Lân Phong	Nông	12,12	Đỗ Như Hà	Đến tuổi
	24.04.2007			Phụ thuộc Kinh, không		1976 Vương Thị Bé Hòa Nguyễn Sỹ Bình	
380	Nguyễn Sỹ Quý		10.Lâm Thượng. Lân Phong	Nông	12,12	1976 Lê Thị Phụng 1979	Đến tuổi
	02.06.2007			Phụ thuộc Kinh, không			
381	Võ Thanh Tiến		11.Lâm Thượng. Lân Phong	Nông	12,12	Võ Chí Thanh	Đến tuổi
	10.10.2007			Phụ thuộc Kinh, không		1976 Nguyễn Thị Tuyết 1975	
382	Trình Lê Ngọc Đô		12 .Lâm Thượng. Lân Phong	Nông	12,12	Trình Văn Tuấn	Đến tuổi
	04.11.2007			Phụ thuộc Kinh, không		1971 Lê Thị Kiều Trang 1979	
383	Ngô Xuân Trường		11.Lâm Thượng. Lân Phong	Nông	11,12	Ngô Hường	Đến tuổi
	11.02.2007			Phụ thuộc Kinh, không		1971 Phạm Thị Mười 1971	
384	Lê Hoàng Hải Anh		9.Lâm Thượng. Lân Phong	Nông	11,12	Lê Quang Hải	Đến tuổi
	01.02.2008			Phụ thuộc Kinh, không		Trần Thị Hường	
385	Nguyễn Tấn Bảo Ngọc		10.Lâm Thượng. Lân Phong	Nông	11,12	Nguyễn Bảo Chung	Đến tuổi
	19.01.2008			Phụ thuộc		Nguyễn Thị Phát	

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	-Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình; bản thân	-Thành phần gia đình	-Trình độ văn hóa,	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ, năm sinh, nghề nghiệp	
386	Trần Quang Khả		10.Lâm Thương.	Kinh, không	11,12	Trần Quang Chung	Đến tuổi
	24.02.2008		Lân Phong	Nông		Huỳnh Thị Bé Sáu	
387	Võ Huỳnh Việt		13.Lâm Thương.	Kinh, không	11,12	Võ Văn Nin	Đến tuổi
	07.01.2008		Lân Phong	Nông		Huỳnh Thị Mười	
388	Nguyễn Tấn Vũ		38.Lâm Thương.	Kinh, không	11,12	Nguyễn Ái Quang	Đến tuổi
	21.02.2008		Lân Phong	Nông		Phạm Thị Thúy Hải	
389	Lê Tuấn Anh		38.Lâm Thương.	Kinh, không	11,12	Lê Văn Hoàng	Đến tuổi
	23.02.2008		Lân Phong	Nông		Lê Thị Tuy	
390	Lê Hoàng Thái Dương		12.Lâm Thương.	Kinh, không	12,12	Lê Anh Tuấn	Đến tuổi
	18.08.2007		Lân Phong	Nông		Nguyễn Thị Ty	
391	Lê Hoàng Minh Phụng		12.Lâm Thương.	Kinh, không	12,12	1981	Đến tuổi
	13.06.2007		Lân Phong	Nông		Lê Hoàng Hiến	
392	Ngô Thành Tiến		13.Lâm Thương.	Kinh, không	12,12	1978	Đến tuổi
	23.04.2007		Lân Phong	Nông		Trần Thị Kim Luyến	
393	Nguyễn Sĩ Đệ		14.Lâm Thương.	Kinh, không	12,12	1985	Đến tuổi
	13.05.2007		Lân Phong	Nông		Ngô Văn Huệ	
394	Cao Lê Minh Trường		38.Lâm Thương.	Kinh, không	12,12	1969	Đến tuổi
	01.08.2007		Lân Phong	Nông		Trương Thị Nhàn	
395	Ngô Xuân Trường		38.Lâm Thương.	Kinh, không	12,12	1964	Đến tuổi
	11.02.2007		Lân Phong	Nông		Nguyễn Văn Nhánh	
396	Đỗ Như Quốc Cường		10.Lâm Thương.	Kinh, không	11,12	1961	Đến tuổi
	24.02.2007		Lân Phong	Nông		Nguyễn Thị Liên	
397	Ngô Danh Dự		9.Lâm Thương.	Kinh, không	12,12	Cao Văn Bé	Đến tuổi
	17.10.2007		Lân Phong	Nông		Lê Thị Màu	

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	-Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình; bản thân ³⁶⁾	-Thành phần gia đình	-Trình độ văn hóa,	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ, năm sinh, nghề nghiệp	
398	Đoàn Nguyễn Tiến Tới 11.04.2007		38.Lâm Thương. Lân Phong	Nông	12,12	1984	Đến tuổi
				Phụ thuộc		Đoàn Minh Phát	
				Kinh, không		1979	
399	Trần Nguyên Bảo 15.12.2007		38.Lâm Thương. Lân Phong	Nông	12,12	Nguyễn Thị Việt	Đến tuổi
				Phụ thuộc		1980	
				Kinh, không		Trần Tình	
400	Võ Hùng Cường 11.02.2008		2.Lâm Hạ. Lân Phong	Nông	11,12	1976	Đến tuổi
				Phụ thuộc		Nguyễn Thị Xuân Liễu	
				Kinh, không		1979	
401	Nguyễn Liêm Trực 26.01.2008		4.Lâm Hạ. Lân Phong	Nông	11,12	Võ Anh Hùng	Đến tuổi
				Phụ thuộc		Cao Thị Hà Ly	
				Kinh, không		Nguyễn Thanh Liêm	
402	Lương Văn Báu 11.03.2008		4.Lâm Hạ. Lân Phong	Nông	11,12	Hồ Thị Nguyệt	Đến tuổi
				Phụ thuộc		Trịnh Thị Búp	
				Kinh, không		Lê Đức Thuận	
403	Lê Lê Phi Linh 08.02.2008		4.Lâm Hạ. Lân Phong	Nông	11,12	Lê Thị Nha Trang	Đến tuổi
				Phụ thuộc		Nguyễn Công Thanh	
				Kinh, không		Cao Thị Huyền	
404	Nguyễn Công Lâm 27.02.2008		5.Lâm Hạ. Lân Phong	Nông	11,12	Trịnh Minh Hận	Đến tuổi
				Phụ thuộc		Nguyễn Thị Hồng Thương	
				Kinh, không		Nguyễn Văn Minh	
405	Trình Bảo Hưng 20.01.2008		5.Lâm Hạ. Lân Phong	Nông	11,12	Nguyễn Thị Hồng Diễm	Đến tuổi
				Phụ thuộc		Phạm Thanh Qua	
				Kinh, không		1966	
406	Nguyễn Hoàng Minh Quân 14.01.2008		7.Lâm Hạ. Lân Phong	Nông	11,12	Nguyễn Thị Sâm	Đến tuổi
				Phụ thuộc		Phạm Mạch	
				Kinh, không		1978	
407	Phạm Quốc Bảo 04.12.2007		4.Lâm Hạ. Lân Phong	Nông	12,12	Lê Thị Thu	Đến tuổi
				Phụ thuộc		1981	
				Kinh, không		Nguyễn Văn Cường	
408	Phạm Lê Minh Chí 23.05.2007		4.Lâm Hạ. Lân Phong	Nông	12,12	1980	Đến tuổi
				Phụ thuộc		Lê Thị Thanh Nhường	
				Kinh, không		1982	
409	Nguyễn Văn Phong 24.03.2007		5.Lâm Hạ. Lân Phong	Nông	12,12		Đến tuổi
				Phụ thuộc			
				Kinh, không			

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	-Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình; bản thân ^{3/}	-Thành phần gia đình	-Trình độ văn hóa,	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ, năm sinh, nghề nghiệp	
410	Phạm Minh Thắng		5.Lâm Hạ.	Nông	12,12	Phạm Ngọc Lai	Đến tuổi
	02.06.2007		Lân Phong	Phụ thuộc		1977 (c)	
				Kinh, không		Phạm Thị Dung	
411	Nguyễn Bảo Kha		5.Lâm Hạ.	Nông	12,12	Nguyễn văn Chí	Đến tuổi
	02.08.2007		Lân Phong	Phụ thuộc		1984	
				Kinh, không		Trịnh Thị Hồng Đồi	
412	Trần Thế Hiến		7.Lâm Hạ.	Nông	12,12	Trần Hùng 1971	Đến tuổi
	09.03.2007		Lân Phong	Phụ thuộc		Phạm Thị Hoa	
				Kinh, không		1974	
413	Lê Hoàng Anh		7.Lâm Hạ.	Nông	12,12	Lê Ngọc Viễn	Đến tuổi
	25.08.2007		Lân Phong	Phụ thuộc		1978	
				Kinh, không		Lê Thị Bích Trâm	
414	Trần Lê Trung Hiếu		7.Lâm Hạ.	Nông	12,12	Trần Văn Hiến	Đến tuổi
	13.12.2007		Lân Phong	Phụ thuộc		1984	
				Kinh, không		Lê Thị Minh Trâm	
415	Trần Võ Tiến Dũng		3.Lâm Hạ.	Nông	11,12	Trần Văn Sinh	Đến tuổi
	02.02.2007		Lân Phong	Phụ thuộc		1975	
				Kinh, không		Võ Thị Diễm	
416	Võ Phạm Thành Đạt		8.Lâm Hạ.	Nông	11,12	Võ Thanh Tú	Đến tuổi
	14.02.2007		Lân Phong	Phụ thuộc		1975	
				Kinh, không		Phạm Thị Hiền	
417	Nguyễn Đức Huy		1.Lâm Hạ.	Nông	12,12	Nguyễn Canh 1976	Đến tuổi
	17.09.2007		Lân Phong	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Hồng Hạnh	
				Kinh, không		1973	
418	Nguyễn Gia Tường		2.Lâm Hạ.	Nông	12,12	Nguyễn Hoàng 1981	Đến tuổi
	08.04.2007		Lân Phong	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Ý Thuận	
				Kinh, không		1987	
419	Đinh Nguyễn Phương Bình		3.Lâm Hạ.	Nông	12,12	Đinh Văn Bé	Đến tuổi
	14.07.2007		Lân Phong	Phụ thuộc		1969	
				Kinh, không		Nguyễn Thị Điệp	
420	Nguyễn Minh Trí		3.Lâm Hạ.	Nông	12,12	Nguyễn Hải	Đến tuổi
	16.11.2007		Lân Phong	Phụ thuộc		1969	
				Kinh, không		Trịnh Thị Mậu Hoàng	

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân ³⁸⁾ Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần gia đình -Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
421	Trần Đức Quy 09.10.2007		3.Lâm Hạ.	Nông	12,12	1973 Trần Công Nhi 1971	Đến tuổi
			Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		Lương Thị Hà 1975	
422	Trần Võ Tiến Dũng 02.02.2007		3.Lâm Hạ.	Nông	12,12	Trần Văn Sinh 1975	Đến tuổi
			Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		Võ Thị Diễm 1976	
423	Bùi Thanh Đạt 18.02.2007		3.Lâm Hạ.	Nông	12,12	Bùi Thanh Phong 1979	Đến tuổi
			Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		Lê Thị Trà My 1984	
424	Hồ Hoàng Duy 24.12.2007		3.Lâm Hạ.	Nông	12,12	Hồ Mười 1973	Đến tuổi
			Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		Phạm Thị Kim Rín 1975	
425	Huỳnh Công Tấn 09.01.2007		3.Lâm Hạ.	Nông		Huỳnh Văn Đạo 1983	Đến tuổi
			Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		Trần Thị Nguyên 1986	
426	Phù Quang Vinh 30.03.2007		8.Lâm Hạ.	Nông	12,12	Phù Duy Lê Thị Nguyên	Đến tuổi
			Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không			
427	Vô Phạm Thành Đạt 14.02.2007		8.Lâm Hạ.	Nông	12,12	Vô Thanh Tú 1975	Đến tuổi
			Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		Phạm Thị Hiền 1981	
428	Huỳnh Thế Ngọc 13.02.2008		32.Văn Hà.	Nông	11,12	Huỳnh Châu Tuấn Nguyễn Thị Tâm	Đến tuổi
			Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không			
429	Nguyễn Gia Khang 02.03.2008		32.Văn Hà.	Nông	11,12	Nguyễn Văn Liễu Đặng Thị Bích Liễu	Đến tuổi
			Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không			
430	Nguyễn Hoài Nam 01.01.2008		36.Văn Hà.	Nông	11,12	Nguyễn Duy Phát Phùng Thị Thu	Đến tuổi
			Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không			
431	Lê Ngọc Phát 22.01.2007		34.Văn Hà.	Nông	12,12	Lê Ngọc Hiếu 1980	Đến tuổi
			Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không		Lê Thị Hồng Giang 1983	
	Nguyễn Duy Anh Linh		35.Văn Hà.	Nông		Nguyễn Duy Thêm	

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	-Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình; bản thân	-Thành phần gia đình	-Trình độ văn hóa,	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ, năm sinh, nghề nghiệp	
432	19.01.2007		Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không	12,12	Nguyễn Thị Huệ	Đến tuổi
433	Đinh Khánh Huy 30.07.2007		35.Văn Hà. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12,12	Đinh Ngọc Vinh 1983 Hồ Thị Bích Oanh 1984	Đến tuổi
	Nguyễn Thành Luân 25.03.2007		37.Văn Hà. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12,12	Nguyễn Tấn Khuê (c) Phan Thị Thanh Diệu 1977	Đến tuổi
435	Phạm Tuấn Hưng 27.04.2007		37.Văn Hà. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12,12	Phạm Anh Tuấn 1973 Bùi Thị Cúc 1974	Đến tuổi
	Bùi Quang Quân 11.07.2007		37.Văn Hà. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	10,12	Bùi Quang Lý 1971 Nguyễn Thị Thanh Tâm 1972	Đến tuổi
437	Nguyễn Việt Thắng 26.06.2007		37.Văn Hà. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12,12	Nguyễn Việt An 1981 Nguyễn Thị Phương 1985	Đến tuổi
	Trần Minh Thái 26.02.2007		36.Văn Hà. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	11,12	Trần Phi Trường 1979 Võ Thị Mỹ Hường 1981	Đến tuổi
439	Hàng Lê Gia Bảo 17.01.2007		29.Thạch Thang. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	11,12	Hàng Bốn 1971 Lê Thị Thu Thúy 1976	Đến tuổi
	Lê Quang Minh 25.10.2007		22.Thạch Thang. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12,12	Lê Qua 1970 Bùi Thị Loan 1974	Đến tuổi
441	Nguyễn Hải Nam 23.02.2007		23.Thạch Thang. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12,12	Nguyễn Hải Âu 1977 Phạm Thị Bé Loan 1982	Đến tuổi
	Lưu Nhật Khang 09.06.2007		23.Thạch Thang. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12,12	Lưu Bình Trung 1981 Đặng Thị Tố Trinh 1985	Đến tuổi

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	-Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình; bản thân	-Thành phần gia đình	-Trình độ văn hóa,	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng	-Nơi làm việc	Nơi ở hiện nay của bản thân	-Thành phần bản thân	-Ngoại ngữ	-Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp	
	Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi làm việc (Nếu có)	-Dân tộc, tôn giáo	-Đảng, Đoàn	-Họ và tên vợ, năm sinh, nghề nghiệp	
443	Lưu Thiện Chí		23.Thạch Thang.	Nông	12,12	Lưu Văn Lượng	Đến tuổi
	23.04.2007		Lân Phong	Phụ thuộc		1980	
444	Đỗ Quốc Dũng		24.Thạch Thang.	Kinh, không	12,12	Nguyễn Thị Nữ 1986	Đến tuổi
	24.12.2007		Lân Phong	Nông		Đỗ Hùng Viên 1972	
445	Nguyễn Đình Trí		24.Thạch Thang.	Phụ thuộc	12,12	Nguyễn Thị Hoàn	Đến tuổi
	23.11.2007		Lân Phong	Kinh, không		1976	
446	Bùi Thiên Lâm		24.Thạch Thang.	Nông	12,12	Nguyễn Đình Chiêu 1984	Đến tuổi
	06.03.2007		Lân Phong	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Trang Anh	
447	Bùi Trung Sơn		24.Thạch Thang.	Kinh, không	12,12	1983	Đến tuổi
	15.12.2007		Lân Phong	Nông		Bùi Thiên Thỏi	
448	Bùi Hoàng Quân		24.Thạch Thang.	Phụ thuộc	12,12	1979	Đến tuổi
	22.04.2007		Lân Phong	Kinh, không		Phạm Thị Thúy Kiều	
449	Nguyễn Trọng Hường		24.Thạch Thang.	Nông	12,12	1979	Đến tuổi
	02.01.2007		Lân Phong	Phụ thuộc		Bùi Thiên Dũng	
450	Bùi Nhật Vinh		24.Thạch Thang.	Kinh, không	12,12	1976	Đến tuổi
	15.03.2007		Lân Phong	Nông		Nguyễn Thị Kim Hồng	
451	Dương Văn Quang		25.Thạch Thang.	Phụ thuộc	12,12	1983	Đến tuổi
	09.12.2007		Lân Phong	Kinh, không		Bùi Hoàng Nguyên	
452	Huỳnh Nguyễn Gia Huy		25.Thạch Thang.	Nông	12,12	1978	Đến tuổi
	10.05.2007		Lân Phong	Phụ thuộc		1979	
453	Võ Ngọc Thiện		26.Thạch Thang.	Kinh, không	12,12	Nguyễn Thị Hòa	Đến tuổi
	06.11.2007		Lân Phong	Nông		1976	
	Nguyễn Lâm Nhật		26.Thạch Thang.	Phụ thuộc	12,12	Trình Thị Lan	Đến tuổi
			Lân Phong	Kinh, không		1986	
			26.Thạch Thang.	Nông	12,12	Bùi Thị Sửu	Đến tuổi
			Lân Phong	Phụ thuộc		1963	
			26.Thạch Thang.	Kinh, không	12,12	Dương Văn Dũng	Đến tuổi
			Lân Phong	Nông		1981	
			26.Thạch Thang.	Phụ thuộc	12,12	Lê Thị Kim Xuân	Đến tuổi
			Lân Phong	Kinh, không		1981	
			26.Thạch Thang.	Nông	12,12	Huỳnh Thương	Đến tuổi
			Lân Phong	Phụ thuộc		Nguyễn Thị Lan	
			27.Thạch Thang.	Kinh, không	12,12	1981	Đến tuổi
			Lân Phong	Nông		Võ Ngọc Tèo	
			27.Thạch Thang.	Phụ thuộc	12,12	1981	Đến tuổi
			Lân Phong	Kinh, không		Phạm Thị Ánh	
			27.Thạch Thang.	Nông	12,12	1984	Đến tuổi
			Lân Phong	Phụ thuộc		Nguyễn Tây	

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân ⁴¹ Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần gia đình -Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
454	16.07.2007		Lân Phong	Phụ thuộc Kinh, không	12,12	1980 Bùi Thị Ba 1988	Đến tuổi
455	Hàng Lê Gia Bảo 17.01.2007		29.Thạch Thang. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12,12	Hàng Bốn 1971 Lê Thị Thu Thúy 1976	Đến tuổi
456	Nguyễn Phi Trường 20.09.2007		29.Thạch Thang. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12,12	Nguyễn Viễn 1983 Vũ Nữ My Ny 1985	Đến tuổi
457	Võ Lưu Hoàng Nhật 03.11.2007		29.Thạch Thang. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12,12	Võ Ngọc Tấn 1982 Lưu Thị Minh Lầu 1982	Đến tuổi
458	Nguyễn Hồng Phúc 27.10.2007		30.Thạch Thang. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12,12	Nguyễn Văn Lộc 1976 Trần Thị Hồng 1977	Đến tuổi
459	Nguyễn Minh Trọng 08.12.2007		30.Thạch Thang. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12,12	Nguyễn Văn Xi 1964 Nguyễn Thị Bình 1963	Đến tuổi
460	Nguyễn Anh Quân 10.10.2007		30.Thạch Thang. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12,12	Nguyễn Anh Việt 1976 Nguyễn Thị Phương Uyên 1976	Đến tuổi
461	Nguyễn Lâm Đăng Thùy 26.07.2007		30.Thạch Thang. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12,12	Nguyễn Ngọc Tài 1977 Nguyễn Thị Hiền 1977	Đến tuổi
462	Phan Nguyễn Tấn Lưu 07.01.2008		24.Thạch Thang. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	11,12	Phan Văn Lực Nguyễn Thị Tư	Đến tuổi
463	Nguyễn Gia Bảo 22.01.2008		24.Thạch Thang. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	11,12	Nguyễn Văn Sơn Nguyễn Thị Ngọc	Đến tuổi
464	Nguyễn Huy Thái 02.02.2008		25.Thạch Thang. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	11,12	Nguyễn Văn Sơn Bùi Thị Như Thủy	Đến tuổi
465	Trần Anh Khoa 28.03.2008		25.Thạch Thang. Lân Phong	Nông Phụ thuộc	11,12	Trần Quốc Nam Ngô Thị Thủy Kiều	Đến tuổi

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nghề nghiệp -Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi thường trú của gia đình; bản thân ⁴² Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần gia đình -Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Trình độ văn hóa, -Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
466	Bùi Đức Mạnh 21.01.2008		27.Thạch Thang. Lân Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	11,12	Bùi Văn Công Nguyễn Thị Kim Huệ	Đến tuổi
467	Đặng Anh Tuấn 13.02.2008		28.Thạch Thang. Lân Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	11,12	Đặng Thanh Nhanh Phạm Thị Thanh	Đến tuổi
468	Võ Phạm Hoàng Thiên 11.01.2008		29.Thạch Thang. Lân Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	11,12	Võ Ngọc Linh Phạm Thị Đào	Đến tuổi
469	Bùi Tuấn Kiệt 26.03.2008		17.Châu Me. Lân Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	11,12	Bùi Khương Lê Thị Năm	đến tuổi
470	Phạm Nguyễn Quang Huy 11.02.2008		18.Châu Me. Lân Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	11,12	Nguyễn Thỉn Phạm Thị Đỗ	đến tuổi
471	Huỳnh Ngọc Thương 03.02.2008		20.Châu Me. Lân Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	11,12	Huỳnh Văn Cẩm Nguyễn Thị Phương Thúy	đến tuổi
472	Trương Quang Thành 09.10.2007		18.Châu Me. Lân Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	12,12	Trương Quang Triết 1973 Nguyễn Thị Cẩm Nhung 1975	Đến tuổi
473	Phạm Ngọc Triều 26.11.2007		19.Châu Me. Lân Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	12,12	Phạm Tấn Tánh 1978 Đỗ Thị Phương 1979	Đến tuổi
474	Phạm Thanh Đạt 19.04.2007		19.Châu Me. Lân Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	12,12	Phạm Văn Tuấn 1977 Trần Thị Chút 1983	Đến tuổi
475	Phạm Trinh Ngọc Luyện 19.07.2007		20.Châu Me. Lân Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	12,12	Phạm Ngọc Thành 1978 Trịnh Thị Hồng 1979	Đến tuổi
476	Nguyễn Trường Huy 06.09.2007		20.Châu Me. Lân Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	12,12	Nguyễn Thanh Châu 1986 Nguyễn Thị Lệ Huyền 1986	Đến tuổi
477	Trịnh Hoàng Gia Bảo 15.04.2007		21.Châu Me. Lân Phong	Kinh, không Nông Phụ thuộc	12,12	Trịnh Thanh Luân 1981	Đến tuổi

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	-Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình; bản thân	-Thành phần gia đình	-Trình độ văn hóa,	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ, năm sinh, nghề nghiệp	
477				Kinh, không	12,12	Nguyễn Thị Bích 1985	Đến tuổi
478	Bùi Nguyễn Anh Tú 15.11.2007		21.Châu Me. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12,12	Bùi Văn Góp 1981 Nguyễn Thị Phương 1988	Đến tuổi
479	Phạm Quốc Việt 29.11.2007		21.Châu Me. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12,12	Phạm Văn Hưng 1982 Phạm Thị Quyên 1982	đến tuổi
480	Nguyễn Thế Anh 08.07.2007		15.Châu Me. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12,12	Nguyễn Thế Vinh 1974 Nguyễn Thị Thu Hằng 1985	Đến tuổi
481	Nguyễn Quốc Đạt 01.06.2007		15.Châu Me. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12,12	Nguyễn Minh Phương 1974 Lương Thị Bé Gái 1979	Đến tuổi
482	Lương Ngọc Quý 24.12.2007		15.Châu Me. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12,12	Lương Năng 1979 Phạm Thị Mỹ An 1982	Đến tuổi
483	Lê Hoàng 20.09.2007		16.Châu Me. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12,12	Lê Thị Mỹ Huệ 1986	Đến tuổi
484	Nguyễn Quốc Bảo 21.07.2007		17.Châu Me. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12,12	Nguyễn Văn Lâm Lê Thị Phụng 1985	Đến tuổi
485	Phạm Xuân Trường 11.03.2007		17.Châu Me. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12,12	Phạm Nông 1976 Nguyễn Thị Hòa 1975	Đến tuổi
486	Bùi Ngọc Thái 12.03.2007		17.Châu Me. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12,12	Bùi Vinh 1982 Nguyễn Thị Thu Thủy 1987	Đến tuổi
487	Bùi Anh Hoàng 22.11.2007		17.Châu Me. Lân Phong	Nông Phụ thuộc Kinh, không	12,12	Bùi Anh Tư 1974 Lê Thị Bé 1979	Đến tuổi

Số TT	Họ, chữ đệm và tên khai sinh	-Nghề nghiệp	Nơi thường trú của gia đình; bản thân	-Thành phần gia đình	-Trình độ văn hóa,	-Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
	Họ, chữ đệm và tên thường dùng Ngày tháng năm sinh Số thẻ căn cước/CCCD	-Nơi làm việc -Nhóm, ngạch, bậc lương	Nơi ở hiện nay của bản thân Nơi làm việc (Nếu có)	-Thành phần bản thân -Dân tộc, tôn giáo	-Ngoại ngữ -Đảng, Đoàn	-Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp -Họ và tên vợ, năm sinh, nghề nghiệp	
488	Võ Hồng Hưng		17.Châu Me.	Nông	12,12	Võ Hồng Hải 1979	Đến tuổi
	30.07.2007		Lân Phong	Phụ thuộc		Huỳnh Thị Hoa 1979	
489	Phạm Khải Kỳ		17.Châu Me.	Nông	12,12	Phạm Cung	Đến tuổi
	29.11.2007		Lân Phong	Phụ thuộc		1965	
490	Phạm Phạm Ngọc Tú		18.Châu Me.	Nông	12,12	Lê Thị Chin	Đến tuổi
	13.08.2007		Lân Phong	Phụ thuộc		1967	
491	Nguyễn Thành Luân		18.Châu Me.	Nông	12,12	Phan Ngọc Lân	Đến tuổi
	25.03.2007		Lân Phong	Phụ thuộc		1985	
492	Phạm Phú Thành		18.Châu Me.	Nông	12,12	Phạm Thị Thúy Nga	Đến tuổi
	28.12.2007		Lân Phong	Phụ thuộc		1988	
493	Trương Quang Quyền		18.Châu Me.	Nông	12,12	Nguyễn Văn Ít	Đến tuổi
	23.09.2007		Lân Phong	Phụ thuộc		1975	
				Kinh, không	12,12	Trịnh Thị Thủy	Đến tuổi
				Kinh, không		1975	
				Nông	12,12	Phạm Cu	Đến tuổi
				Phụ thuộc		1971	
				Kinh, không	12,12	Phan Thị Thành	Đến tuổi
				Kinh, không		1970	
				Nông	12,12	Trương Quang Linh	Đến tuổi
				Phụ thuộc		1972	
				Kinh, không	12,12	Lê Thị Thu Xuân	Đến tuổi
				Kinh, không		1977	